

Số/No.: 94/2025/PHS-PL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2025  
Ho Chi Minh City, 18 April 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: • Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*;

• Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;

• Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;

• Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)**  
*Name of organization: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (“PHS”)*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: PHS/022
- Địa chỉ/Address: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh/21<sup>st</sup> Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel.: (+84 28) 5413 5479 Fax: (+84 28) 5413 5472
- E-mail: cbtt\_phs@phs.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (chi tiết tham khảo tài liệu đính kèm).

*According to Circular 96/2020/TT-BTC on guidance for information disclosure in the stock market, PHS sincerely discloses Meeting Minutes and Resolution of Annual General Meeting of Shareholders in 2025 (further information, please find the attachment).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS vào ngày 18 tháng 04 năm 2025 tại đường dẫn: <https://www.phs.vn>, phần Về PHS, mục Quan hệ cổ đông.

*This information was published on PHS's website on 18 April 2025 in the link at <https://www.phs.vn>, tab About PHS, and Investor relation.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm:**

*Attached Document:*

1. Biên bản họp số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ  
ngày 17/04/2025

*Meeting Minutes No. 01/2025/BB-ĐHĐCĐ  
dated 17/04/2025*

2. Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày  
17/04/2025

*Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated  
17/04/2025*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



**Ông/ Mr. CHEN CHIA KEN**  
**Tổng Giám đốc**  
**General Director**

**BIÊN BẢN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- Địa chỉ : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp : 0313642887
- Giấy phép thành lập và hoạt động : 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016
- Thời gian họp : Bắt đầu lúc 14h00 ngày 17/04/2025  
Kết thúc lúc 16h00 ngày 17/04/2025
- Địa điểm họp : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2025 đã được thông báo đến cổ đông
- Chủ tọa Đại hội : Ông Chen Chia Ken
- Ban thư ký Đại hội : Ông Nguyễn Ngọc Thanh
- Ban kiểm phiếu : Bà Phan Thị Kim Anh – Trưởng ban  
Bà Nguyễn Thị Bích Diệu – Thành viên  
Bà Nguyễn Thị Thi Thư – Thành viên
- Số đại biểu tham dự : Vào lúc 14h00 giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 16 cổ đông, đại diện cho 180.565.149 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,2784 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (*Phụ lục đính kèm*).
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 ("**Đại hội**") đủ điều kiện để tiến hành.



## I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông tiến hành đăng ký tham dự đại hội để nhận tài liệu của cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
2. Ban thư ký Đại hội đọc báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:
  - ♦ Chủ tọa đoàn:  
Ông Chen Chia Ken – theo Giấy ủy quyền số 01/2025/CTHĐQT/UQ-PHS ngày 12/3/2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
  - ♦ Ban thư ký Đại hội  
Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Trưởng ban thư ký Đại hội – theo yêu cầu của chủ tọa
  - ♦ Ban kiểm phiếu:  
Bà Phan Thị Kim Anh – Trưởng Ban kiểm phiếu  
Bà Nguyễn Thị Bích Diệu – Thành viên  
Bà Nguyễn Thị Thi Thư – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua thành viên của Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành: 100 %

Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bắt đầu tiến hành Đại hội.
4. Chủ tọa công bố chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Bà Chiêu Nhã Thy thay mặt Ban tổ chức đọc và hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, hướng dẫn biểu quyết và cách thức biểu quyết của Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100 %

## II. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Vào lúc 15h00 giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là 32 cổ đông, đại diện cho 180.566.804 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,2792% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

### **Nội dung 1. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024**

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:



Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 2. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 3. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024**

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 4. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 5. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 6. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.289	99,999997%
Không tán thành	515	0,000003%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 7. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%



**Nội dung 8. Thảo luận và biểu quyết thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 9. Thảo luận và biểu quyết thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.289	99,999997%
Không tán thành	515	0,000003%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 10. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025**

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 11. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm. Các thành viên Hội đồng Quản trị được đề cử như sau:

1. Ông Albert Kwang-Chin Ting: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Phiếu đồng ý: 180.566.815 phiếu
  - Tương đương: 20% phiếu biểu quyết dự họp
2. Ông Nguyễn Đoàn Hùng: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 19,99999% phiếu biểu quyết dự họp
3. Ông Wu, Jin-Jeng: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 19,99999% phiếu biểu quyết dự họp
4. Ông Chen Chia Ken: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 19,99999% phiếu biểu quyết dự họp
5. Bà Lin, Hsiu-Chu: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 19,99999% phiếu biểu quyết dự họp

**Nội dung 12. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm. Các thành viên Ban Kiểm soát được đề cử như sau:

1. Ông Liew Sep Siang: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Phiếu đồng ý: 180.566.809 phiếu
  - Tương đương: 33,333% phiếu biểu quyết dự họp
2. Bà Wang, Gwan-Fang: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 33,333% phiếu biểu quyết dự họp
3. Ông Chiu, Hsien-Chih: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Phiếu đồng ý: 180.566.800 phiếu
  - Tương đương: 33,333% phiếu biểu quyết dự họp

**Nội dung 13. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028**



Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**Nội dung 14. Thảo luận và biểu quyết thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ	180.566.804	100%
Phiếu không hợp lệ	0	0%
Tán thành	180.566.804	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

**III. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

Vào lúc 16h00 giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông tham dự là 29 cổ đông, đại diện cho 180.566.795 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,2792% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Ông Nguyễn Ngọc Thanh đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ tán thành: 100 %.

Biên bản Đại hội được lập thành hai bản Tiếng Anh và hai bản Tiếng Việt, được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

**BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**NGUYỄN NGỌC THANH**



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**CHEN CHIA KEN**

**Tài liệu đính kèm:**

1	Tờ trình về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (Đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)
2	Tờ trình về Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
3	Tờ trình về Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
4	Tờ trình về Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 (Đính kèm: Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024)
5	Tờ trình về Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 (Đính kèm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024)
6	Tờ trình về Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới
7	Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông
8	Tờ trình về Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 (Đính kèm: Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025)
9	Tờ trình về Dự toán ngân sách năm 2025
10	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025
11	Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028; (Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Hội đồng Quản trị)
12	Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028; (Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Ban Kiểm soát)
13	Tờ trình về Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028
14	Tờ trình về Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát (Đính kèm: Quy trình Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát)



**NGHỊ QUYẾT**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản họp Đại hội Cổ đông số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**QUYẾT NGHỊ**

Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua các Nghị quyết của Đại hội như sau:

**NGHỊ QUYẾT 1. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 2. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 3. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 4. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.



**NGHỊ QUYẾT 5. THÔNG QUA BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CHO NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NGÀY 29/11/2024**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 6. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ VIỆC CẬP NHẬT ĐIỀU LỆ GHI NHẬN ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ MỚI**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 7. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024 VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM PHÙ HỢP VÀ TIẾN HÀNH THỦ TỤC CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG**

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 8. THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025**

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 9. THÔNG QUA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRONG NĂM 2025**

Đại hội nhất trí thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 10. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2025**

Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 11. THÔNG QUA DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2028**

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028 danh sách cụ thể như sau:

1. Ông Albert Kwang-Chin Ting - Thành viên Hội đồng Quản trị
2. Ông Nguyễn Đoàn Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Wu, Jin-Jeng - Thành viên Hội đồng Quản trị
4. Ông Chen Chia Ken - Thành viên Hội đồng Quản trị



5. Bà Lin, Hsiu-Chu - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

**NGHỊ QUYẾT 12. THÔNG QUA DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 – 2028**

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028 danh sách cụ thể như sau:

1. Ông Liew Sep Siang - Thành viên Ban Kiểm soát
2. Bà Wang, Gwan-Fang - Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông Chiu, Hsien-Chih - Thành viên Ban Kiểm soát

**NGHỊ QUYẾT 13. THÔNG QUA BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC TÁI BỔ NHIỆM ÔNG CHEN CHIA KEN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆM KỲ 2025 – 2028**

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 14. THÔNG QUA QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Đại hội nhất trí thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình đính kèm.

**NGHỊ QUYẾT 15. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 04 năm 2025.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn công ty thi hành các điều khoản của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**CHEN CHIA KEN**



Số.: 01./2025/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của công ty (<https://www.phs.vn>), bao gồm:

- 1/ Báo cáo của Ban Giám Đốc
- 2/ Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 3/ Báo cáo Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024
- 4/ Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 5/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 6/ Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 7/ Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	3.931.365.369.257
2	Vốn Chủ sở hữu	2.067.097.810.747
3	Doanh thu	506.649.713.996
4	Lợi nhuận trước thuế	340.912.582
5	Lợi nhuận sau thuế	108.063.036

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**Đính kèm:**

1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ALBERT KWANG-CHIN TING**





**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

Báo cáo tài chính cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên
	(đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**                      Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower  
8 Hoàng Văn Thái  
Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch**                      Tầng trệt, CR2-08  
**Phú Mỹ Hưng**                      107 Tôn Dật Tiên  
Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Quận 3**                      Tầng 4  
458 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường 2, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Tân Bình**                      Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ  
Phường 2, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Thanh Xuân**                      Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex  
N04 Hoàng Đạo Thúy  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Chi nhánh Hải Phòng**                      Tầng 2, Tòa nhà Eliteco  
18 Trần Hưng Đạo  
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Chi nhánh Quận 1**                      Phòng 1003A, Tầng 10  
81-83-83B-85 Hàm Nghi  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**                      Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00440-25-1



Chang Hưng Chấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130)	<b>100</b>		<b>3.848.310.376.508</b>	<b>3.959.452.700.074</b>
<b>I Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>3.840.828.798.363</b>	<b>3.954.792.801.205</b>
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	181.971.791.321	196.824.308.864
1.1 Tiền	111.1		38.430.103.044	91.373.936.013
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		143.541.688.277	105.450.372.851
2 Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	73.857.466.068	90.634.482.673
3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	696.000.000.000	654.213.238.356
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	11(a)	(47.534.983.549)	(30.551.507.140)
7 Các khoản phải thu	117	8	51.291.372.400	74.788.081.049
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		51.291.372.400	74.788.081.049
8 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		1.175.067.215	7.108.023.307
9 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	3.773.839.584	3.964.076.031
12 Các khoản phải thu khác	122	10	13.808.912.532	12.786.514.140
13 Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(8.310.893.741)	(6.893.691.319)
<b>II Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>7.481.578.145</b>	<b>4.659.898.869</b>
1 Tạm ứng	131		246.977.600	162.595.400
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	5.174.553.497	4.497.303.469
6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	21	2.060.047.048	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250)	<b>200</b>		<b>83.054.992.749</b>	<b>81.285.669.824</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.747.496.335</b>	<b>23.745.314.509</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.974.883.600	13.805.025.065
Nguyên giá	222		51.812.143.364	47.229.401.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(39.837.259.764)	(33.424.376.299)
3 Tài sản cố định vô hình	227	14	16.772.612.735	9.940.289.444
Nguyên giá	228		36.879.716.400	26.091.616.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.107.103.665)	(16.151.326.956)
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>54.307.496.414</b>	<b>57.540.355.315</b>
1 Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	5.470.397.057	5.637.869.733
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	10.152.079.973	18.287.789.360
3 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	16	9.141.330.600	6.591.125.211
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	19.464.116.068	16.964.116.068
5 Tài sản dài hạn khác	255	18	10.079.572.716	10.059.454.943
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.931.365.369.257</b>	<b>4.040.738.369.898</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>1.864.267.558.510</b>	<b>2.428.745.823.487</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.862.166.673.210</b>	<b>2.426.614.761.125</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		1.433.388.000.000	1.990.040.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	19	1.433.388.000.000	1.990.040.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	399.765.881.440	389.121.316.960
8	Phải trả người bán	320		713.921.382	66.259.697
9	Người mua trả tiền trước Thuế và các khoản phải nộp	321		50.000.000	-
10	Nhà nước	322	21	8.156.539.434	11.982.298.962
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		373.470.775	372.753.773
13	Chi phí phải trả	325	22	17.565.079.800	23.311.796.104
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		43.164.711	-
17	Các khoản phải trả khác	329	23	2.110.615.668	11.720.335.629
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2.100.885.300</b>	<b>2.131.062.362</b>
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.100.885.300	2.131.062.362
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.067.097.810.747</b>	<b>1.611.992.546.411</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.067.097.810.747</b>	<b>1.611.992.546.411</b>
1	Vốn cổ phần	411	24	2.000.097.005.000	1.500.097.005.000
1.1	Vốn cổ phần	411.1		2.000.098.190.000	1.500.098.190.000
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)	(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139	12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		54.935.807.608	99.830.543.272
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		47.619.965.451	105.003.116.298
7.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		7.315.842.157	(5.172.573.026)
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>		<b>440</b>		<b>3.931.365.369.257</b>	<b>4.040.738.369.898</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

		<b>Mã số</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
<b>A. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY</b>				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	200.009.329	150.009.329
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (“VSDC”) của Công ty	008	2.821.330.000	13.602.690.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	2.420.000	2.420.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	150.000.000	218.600.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	78.000.000	149.200.000
14	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (số lượng)	014	-	1.065.800
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ</b>				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	8.289.906.820.000	8.178.036.075.000
a	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	7.648.665.380.000	7.489.234.325.000
b	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2	26.658.870.000	27.916.510.000
c	TSTC giao dịch cầm cố	021.3	157.099.480.000	218.667.990.000
d	TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	312.000.690.000	312.000.690.000
e	TSTC chờ thanh toán	021.5	145.482.400.000	130.216.560.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	108.452.100.000	371.080.410.000
a	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	77.330.120.000	75.800.070.000
b	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	31.121.980.000	295.280.340.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư	023	212.048.640.000	164.619.850.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	77.932.300.000	8.242.480.000
7	Tiền gửi của nhà đầu tư	026	710.651.908.994	763.571.527.689
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	296.077.799.776	425.156.275.773
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	414.574.109.218	338.415.251.916

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	296.077.799.776	425.156.275.773
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	291.266.423.224	420.204.181.753
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.811.376.552	4.952.094.020

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh  
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu số B02 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

			Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I	DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01			12.554.313.374	14.328.354.651
a	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	26		5.634.885.838	11.017.029.327
b	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2			6.346.806.416	2.988.633.744
c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3			572.621.120	322.691.580
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	27		37.337.733.669	73.112.766.792
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28		278.533.424.347	314.274.638.330
1.6	Doanh thu môi giới chứng khoán	06			145.494.281.929	150.678.112.953
1.9	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09			7.449.393.838	5.800.985.994
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn	10			32.727.273	-
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11			1.766.199.337	845.048.647
Tổng doanh thu hoạt động		20			483.168.073.767	559.039.907.367
II	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21			2.162.643.449	9.872.981.763
a	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	26		2.562.252.216	9.775.671.605
b	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2			(210.340.556)	(91.958.053)
d	Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4			(189.268.211)	189.268.211
2.4	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	24	11(a)		17.999.697.389	17.390.111.654
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26			4.443.480.016	3.174.982.903
2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	27	29		166.777.549.418	168.864.542.818
2.10	Chi phí lưu ký chứng khoán	30			7.907.728.846	6.388.857.906
2.11	Chi phí nghiệp vụ tư vấn	31			1.147.155.396	1.155.892.164
2.12	Chi phí khác	32	11(b)		1.417.202.422	(559.447.607)
Tổng chi phí hoạt động		40			201.855.456.936	206.287.921.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>III</b>		<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	21.654.954.153
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	1.826.686.076
		<b>Tổng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>23.481.640.229</b>
<b>IV</b>		<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	69.136.122.795
4.2		Chi phí lãi vay	52	128.806.052.741
		<b>Tổng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>	<b>197.942.175.536</b>
<b>VI</b>		<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>106.679.984.276</b>
<b>VII</b>		<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	<b>70</b>	<b>172.097.248</b>
<b>VIII</b>		<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		
8.1		Thu nhập khác	71	308.753.709
8.2		Chi phí khác	72	139.938.375
		<b>Kết quả hoạt động khác</b> (80 = 71 – 72)	<b>80</b>	<b>168.815.334</b>
<b>IX</b>		<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN</b> <b>TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>340.912.582</b>
9.1		(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	91	(12.147.502.601)
9.2		Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92	12.488.415.183

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>X</b>	<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>232.849.546</b>	<b>11.648.447.958</b>
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	2.783.054.935	14.535.289.259
10.2	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
<b>XI</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>108.063.036</b>	<b>44.550.793.002</b>
<b>XII</b>	<b>THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XIII</b>	<b>THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>500</b>			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	0,7	297

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh  
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu số B03 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>340.912.582</b>	<b>56.199.240.960</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>102.130.274.525</b>	<b>214.689.026.513</b>
Khấu hao và phân bổ	03	10.368.660.174	8.862.034.251
Các khoản dự phòng	04	18.370.501.769	16.981.711.965
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(5.742.000.000)	57.165.000.000
Chi phí lãi	06	128.806.052.741	149.125.757.455
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	07	-	(590.909)
Dự thu tiền lãi	08	(49.672.940.159)	(17.444.886.249)
<b>3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>(399.608.767)</b>	<b>97.310.158</b>
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	(399.608.767)	97.310.158
<b>4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(6.346.806.416)</b>	<b>(2.988.633.744)</b>
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(6.346.806.416)	(2.988.633.744)
<b>5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>95.724.771.924</b>	<b>267.996.943.887</b>
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)			
Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	23.334.163.577	(80.838.781.811)
(Tăng)/giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(41.786.761.644)	114.100.008.220
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	77.123.048.711	(960.281.945.959)
Giảm các khoản phải thu	36	73.169.648.808	-
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	190.236.447	5.859.588.081
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(1.022.398.392)	219.918.215
Tăng các tài sản khác	40	(4.497.074.345)	(3.598.503.493)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(3.361.266.594)	1.657.810.127
Giảm chi phí trả trước	42	7.458.459.359	3.499.290.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(8.719.340.658)	(14.534.752.098)
Tiền lãi đã trả	44	(131.191.502.451)	(146.371.092.469)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	6.580.617.777	(5.773.580.594)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	717.002	2.307.000
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.110.526.195	(3.273.250.340)
Giảm phải trả người lao động	48	-	(6.146.000)
Tăng các khoản phải trả khác	50	1.045.813.321	199.425.944.169
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>96.159.659.037</b>	<b>(621.916.242.165)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu số B03 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(15.370.842.000)	(7.402.907.918)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	-	590.909
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(15.370.842.000)</b>	<b>(7.402.317.009)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp từ chủ sở hữu	71	500.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	7.890.447.000.000	9.392.294.124.101
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(8.441.357.000.000)	(9.292.439.124.101)
Cổ tức trả cho cổ đông	76	(44.731.334.580)	(37.592.696.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>(95.641.334.580)</b>	<b>62.262.303.600</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>	<b>(14.852.517.543)</b>	<b>(567.056.255.574)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>196.824.308.864</b>	<b>763.880.564.438</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>181.971.791.321</b>	<b>196.824.308.864</b>
▪ Tiền	103.1	38.430.103.044	91.373.936.013
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	143.541.688.277	105.450.372.851

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

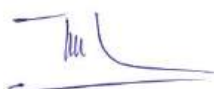
**Mẫu số B03 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	38.621.844.527.649	38.749.240.984.544
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(37.876.401.068.039)	(39.824.401.812.944)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	52.277.945.297.503	55.500.518.225.396
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	76.158.857.302	71.213.172.507
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(53.149.757.972.769)	(54.217.612.309.741)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.709.260.341)	(2.063.062.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(52.919.618.695)</b>	<b>276.895.197.722</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng đầu năm</b>	<b>30</b>	<b>763.571.527.689</b>	<b>486.676.329.967</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		338.415.251.916	267.202.079.409
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng cuối năm (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>710.651.908.994</b>	<b>763.571.527.689</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	710.651.908.994	763.571.527.689
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	710.651.908.994	763.571.527.689
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		414.574.109.218	338.415.251.916

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh  
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng  
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B04 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Số dư đầu năm tại ngày	1/1/2023	1/1/2024	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	Số dư cuối năm tại ngày	31/12/2023	31/12/2024
Vốn cổ phần	1.500.098.190.000	1.500.098.190.000	-	-	-	500.000.000.000	-	1.500.098.190.000	2.000.098.190.000
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-	-	(1.185.000)	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-	-	12.064.998.139	12.064.998.139
Quỹ dự phòng tài chính	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	(12.064.998.139)	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	73.216.617.931	99.830.543.272	110.889.467.555	(84.275.542.214)	12.488.415.183	(57.383.150.847)	99.830.543.272	54.935.807.608	54.935.807.608
Trong đó:									
Lợi nhuận đã thực hiện	24.115.514.543	105.003.116.298	98.824.469.416	-	-	(12.380.352.147)	122.939.983.959	92.622.764.151	92.622.764.151
Hoàn nhập quỹ dự trữ tài chính	-	-	12.064.998.139	-	-	-	12.064.998.139	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(30.001.865.800)	-	(45.002.798.700)	(30.001.865.800)	(45.002.798.700)	(45.002.798.700)
(Lô)lợi nhuận chưa thực hiện	49.101.103.388	(5.172.573.026)	-	(54.273.676.414)	12.488.415.183	-	(5.172.573.026)	7.315.842.157	7.315.842.157
Tổng cộng	1.597.443.619.209	1.611.992.546.411	110.889.467.555	(96.340.540.353)	512.488.415.183	(57.383.150.847)	1.611.992.546.411	2.067.097.810.747	2.067.097.810.747

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ai Vy  
Kế toán trưởng

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh  
Kế toán viên

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
PHÚ HƯNG  
QUẬN 7 - T.P. HỒ CHÍ MINH  
Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Cơ sở thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

### **(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND (31/12/2023: 1.500.098.190.000 VND).

### **(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### **(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(e) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 329 nhân viên (31/12/2023: 382 nhân viên).



## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

##### **(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

##### **(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có đảm bảo được ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) như Thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

##### **(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

##### **(iv) Cẩn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*

*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### (g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

##### *Tình trạng quá hạn*

##### *Tỷ lệ trích lập dự phòng*

Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

#### (h) Chứng quyền có đảm bảo

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền đảm bảo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá trị hợp lý sau ngày ghi nhận ban đầu.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính khi phát sinh.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm
Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

---

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

#### **(k) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### **(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC)

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Vốn cổ phần**

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*

*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(q) Doanh thu**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

**(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

**(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính**

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(r) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(w) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(x) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

#### **4. Các công cụ tài chính**

##### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

###### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

###### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

##### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

***Tài sản đảm bảo***

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay - gộp (ii)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
Các khoản phải thu (ii)	51.291.372.400	74.788.081.049
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	3.773.839.584	3.964.076.031
Các khoản phải thu khác - gộp (ii)	13.808.912.532	12.786.514.140
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	5.470.397.057	5.637.869.733
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
	<b>3.856.652.191.956</b>	<b>3.927.152.898.173</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy và khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	11.593.764.091	11.174.224.109
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	3.316.267.434	4.443.207.793
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	49.061.211.115	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	48.291.197.147
	63.971.242.640	63.908.629.049

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.282.870.350	4.280.532.790
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	5.620.250	966.990
▪ Sàn UPCOM	3.277.250.100	4.279.565.800
TSTC phong tỏa, tạm giữ	4.842.495.000	22.182.897.800
	8.125.365.350	26.463.430.590



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	420.484.606	921.228.900
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	770.013.968
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	5.694.219	-
	<b>426,178,825</b>	<b>1,691,242,868</b>

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	1.433.388.000.000	1.459.823.545.331	1.459.823.545.331
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.765.881.440	399.765.881.440	399.765.881.440
Phải trả người bán	713.921.382	713.921.382	713.921.382
Chi phí phải trả	8.635.491.827	8.635.491.827	8.635.491.827
Các khoản phải trả khác	2.110.615.668	2.110.615.668	2.110.615.668
	<b>1.844.613.910.317</b>	<b>1.871.049.455.648</b>	<b>1.871.049.455.648</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	1.990.040.000.000	2.046.606.490.335	2.046.606.490.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	389.121.316.960	389.121.316.960	389.121.316.960
Phải trả người bán	66.259.697	66.259.697	66.259.697
Chi phí phải trả	12.125.926.733	12.125.926.733	12.125.926.733
Các khoản phải trả khác	11.720.335.629	11.720.335.629	11.720.335.629
	<b>2.403.073.839.019</b>	<b>2.459.640.329.354</b>	<b>2.459.640.329.354</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>31/12/2024</b>		<b>31/12/2023</b>	
	<b>USD</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>USD</b>	<b>Tương đương VND</b>
Vay ngắn hạn	39.000.000	989.388.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	35.000.000	887.184.000.000	-	-
Vị thế tiền tệ ròng	4.000.000	102.204.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá hối đoái tại ngày</b>	
	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
USD/VND	25.551	24.440

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***Ảnh hưởng đến  
lợi nhuận sau thuế  
VND****Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

USD (mạnh hơn 5% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế 4.088.160.000

**Ngày 31 tháng 12 năm 2023**

USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế 38.712.960.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay thuần	2.827.261.242.984	2.921.367.768.104
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(1.990.040.000.000)
	<b>2.301.384.686.834</b>	<b>1.809.384.850.080</b>

**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
• Cổ phiếu niêm yết	13.877.519.998	13.877.519.998	39.528.199.108	39.528.199.108
• Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	1.062.614.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
• Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
▪ Chứng chỉ quỹ	58.902.284.652	58.902.284.652	51.063.547.139	51.063.547.139
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	696.000.000.000	696.000.000.000	654.213.238.356	654.213.238.356
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	181.971.791.321	181.971.791.321	196.824.308.864	196.824.308.864
▪ Các khoản cho vay - thuần	2.827.261.242.984	(*)	2.921.367.768.104	(*)
▪ Các khoản phải thu	51.291.372.400	(*)	74.788.081.049	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	3.773.839.584	(*)	3.964.076.031	(*)
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	5.498.018.791	(*)	5.892.822.821	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19.464.116.068	(*)	16.964.116.068	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.470.397.057	(*)	5.637.869.733	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	(*)	10.059.454.943	(*)



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
Phải trả chứng quyền	-	-	(6.479.570.000)	(6.479.570.000)
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(*)	(1.990.040.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(399.765.881.440)	(*)	(389.121.316.960)	(*)
▪ Phải trả người bán	(713.921.382)	(*)	(66.259.697)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(8.635.491.827)	(*)	(12.125.926.733)	(*)
▪ Phải trả khác	(2.110.615.668)	(*)	(11.720.335.629)	(*)

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.036.255	4.036.255
Tiền gửi ngân hàng	38.426.066.789	91.369.899.758
Các khoản tương đương tiền (i)	143.541.688.277	105.450.372.851
	<b>181.971.791.321</b>	<b>196.824.308.864</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,0% đến 4,8% (31/12/2023: từ 1,8% đến 3,8%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

**6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	<b>2024</b>		<b>2023</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện VND</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện VND</b>
<b>a) Của Công ty</b>				
Cổ phiếu	3.879.030	144.096.024.910	11.318.382	331.662.575.670
Chứng khoán khác	2.513.700	8.726.454.000	36.467.249	141.520.479.530
<b>b) Của nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	3.758.488.890	84.942.921.881.160	4.283.789.996	83.402.646.328.420
Trái phiếu	746.230	77.577.268.590	16.030.756	1.717.217.393.028
Chứng khoán khác	76.859.120	317.096.783.280	47.787.498	83.383.341.310
	<b>3.842.486.970</b>	<b>85.490.418.411.940</b>	<b>4.395.393.881</b>	<b>85.676.430.117.958</b>



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	<b>31/12/2024</b>		<b>31/12/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Cổ phiếu niêm yết	13.758.762.493	13.877.519.998	38.225.051.062	39.528.199.108
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	1.159.814.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
Chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	58.902.284.652	50.000.000.000	51.063.547.139
	64.933.623.911	73.857.466.068	88.267.787.488	90.634.482.673



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày báo cáo như sau:

	Số lượng	31/12/2024	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		
		Giá gốc VND (1)		Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
VCB	28.000	2.541.924.444	2.553.600.000	11.675.556	-	2.553.600.000
CTG	43.000	1.317.263.568	1.625.400.000	308.136.432	-	1.625.400.000
BID	30.000	1.255.050.350	1.126.500.000	-	128.550.350	1.126.500.000
DHG	11.000	1.203.971.615	1.142.900.000	-	61.071.615	1.142.900.000
SAB	20.000	1.124.455.556	1.110.000.000	-	14.455.556	1.110.000.000
Các cổ phiếu khác	138.800	6.316.096.960	6.319.119.998	170.042.228	167.019.190	6.319.119.998
	270.800	13.758.762.493	13.877.519.998	489.854.216	371.096.711	13.877.519.998
<b>UPCOM</b>						
Các cổ phiếu khác	26.735	1.159.814.891	1.062.614.891	-	97.200.000	1.062.614.891
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
<b>Chứng chỉ quỹ</b>						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	58.902.284.652	8.902.284.652	-	58.902.284.652
	5.119.730	64.933.623.911	73.857.466.068	9.392.138.868	468.296.711	73.857.466.068



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng	31/12/2023 Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		
				Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
HPG	921.000	24.596.477,091	25.741.950.000	1.145.472.909	-	25.741.950.000
DHG	17.600	1.913.697,686	1.830.400.000	3.935.692	87.233.378	1.830.400.000
VNM	25.020	1.792.863,244	1.691.352.000	-	101.511.244	1.691.352.000
Các cổ phiếu khác	256.813	9.922.013,041	10.264.497.108	832.376.712	489.892.645	10.264.497.108
	1.220.433	38.225.051.062	39.528.199.108	1.981.785.313	678.637.267	39.528.199.108
<b>UPCOM</b>						
Các cổ phiếu khác	728	27.689.899	27.689.899	-	-	27.689.899
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
<b>Chứng chỉ quỹ</b>						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	51.063.547.139	1.063.547.139	-	51.063.547.139
	6.043.356	88.267.787.488	90.634.482.673	3.045.332.452	678.637.267	90.634.482.673

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>31/12/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	626.000.000.000	(*)	654.213.238.356	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm và kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	70.000.000.000	(*)	-	-
	696.000.000.000		654.213.238.356	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lãi suất năm tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 2,3% đến 5,7% (31/12/2023: từ 2,5% đến 8,7%).

**(c) Các khoản phải thu về cho vay**

	<b>31/12/2024</b>		<b>31/12/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	2.739.085.479.371	(*)	2.890.043.967.369	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	135.710.747.162	(*)	61.875.307.875	(*)
	2.874.796.226.533		2.951.919.275.244	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 14,8% (31/12/2023: từ 10,0% đến 13,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2023: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2023: từ 30% đến 70%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 9,5% đến 13,5% (31/12/2023: từ 10,5% đến 13,5%).

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**8. Các khoản phải thu**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	36.007.631.811	50.865.657.812
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.283.740.589	22.028.335.567
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	1.894.087.670
	<b>51.291.372.400</b>	<b>74.788.081.049</b>

**9. Phải thu các dịch vụ cung cấp**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	1.275.987.800	1.461.969.950
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	1.604.164.966	1.770.230.617
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	472.364.410	491.051.396
Phải thu khác	421.322.408	240.824.068
	<b>3.773.839.584</b>	<b>3.964.076.031</b>

**10. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.014.248.697	12.095.453.009
Phải thu khác	1.794.663.835	691.061.131
	<b>13.808.912.532</b>	<b>12.786.514.140</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi**

**(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	<b>Tại ngày 31/12/2024</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549
<hr/>			
	<b>Tại ngày 31/12/2023</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.734.404.940	22.182.897.800	30.551.507.140
<hr/>			

Biến động của dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính trong năm như sau:

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	30.551.507.140	13.161.395.486
Dự phòng trích lập trong năm	17.999.697.389	17.390.111.654
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.016.220.980)	-
Số dư cuối năm	47.534.983.549	30.551.507.140

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Dự phòng phải thu khó đòi**

	<b>Tại ngày 31/12/2024</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.593.764.091	3.282.870.350	8.310.893.741

	<b>Tại ngày 31/12/2023</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.174.224.109	4.280.532.790	6.893.691.319

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	6.893.691.319	7.453.138.926
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	1.417.202.422	(559.447.607)
Số dư cuối năm	8.310.893.741	6.893.691.319



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
Bảo trì phần mềm	1.890.363.353	725.350.312
Chi phí thuê trả trước	373.678.763	519.961.414
Các chi phí khác	2.910.511.381	3.251.991.743
	<b>5.174.553.497</b>	<b>4.497.303.469</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
Công cụ và dụng cụ	2.617.840.688	5.382.643.332
Phần mềm	1.979.918.254	2.657.600.356
Thiết bị công nghệ thông tin	165.065.810	1.304.324.849
Nâng cấp văn phòng	4.705.960.583	8.593.137.409
Các chi phí khác	683.294.638	350.083.414
	<b>10.152.079.973</b>	<b>18.287.789.360</b>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	18.287.789.360	16.785.221.733
Tăng trong năm	2.099.264.908	7.886.872.588
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.186.551.504	5.118.797.232
Phân bổ trong năm	(11.421.525.799)	(11.503.102.193)
Số dư cuối năm	<b>10.152.079.973</b>	<b>18.287.789.360</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC)

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 13. Tài sản cố định hữu hình

2024

2024	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Tăng trong năm	-	4.548.830.000	-	-	4.548.830.000
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	33.912.000	33.912.000
Số dư cuối năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Khấu hao trong năm	-	6.227.450.318	-	185.433.147	6.412.883.465
Số dư cuối năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065
Số dư cuối năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****2023**

	<b>Nâng cấp tài sản thuê VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Đồ đạc và trang bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Tăng trong năm	-	1.323.886.190	-	51.805.440	1.375.691.630
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	390.660.160	390.660.160
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Phân bổ trong năm	-	5.365.539.264	279.883.065	152.288.350	5.797.710.679
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954
Số dư cuối năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 18.597.988.925 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 16.813.082.725 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>2024 Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>2023 Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm và cuối năm	26.091.616.400	25.271.616.400
Tăng trong năm	4.844.000.000	340.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.944.100.000	480.000.000
Số dư cuối năm	36.879.716.400	26.091.616.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	16.151.326.956	13.087.003.384
Khấu hao trong năm	3.955.776.709	3.064.323.572
Số dư cuối năm	20.107.103.665	16.151.326.956
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	9.940.289.444	12.184.613.016
Số dư cuối năm	16.772.612.735	9.940.289.444

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.596.466.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 8.596.466.400 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

**15. Ký quỹ, ký cược dài hạn**

	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	5.470.397.057	5.637.869.733

## **16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	10.505.921.972	6.600.398.133
Chi phí trích trước	20%	420.177.060	426.212.472
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	93.659.342	37.853.642
		11.019.758.374	7.064.464.247
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(1.878.427.774)	(473.339.036)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		9.141.330.600	6.591.125.211

## **17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	16.964.116.068	14.464.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	1.672.969.148	1.884.661.158
Tiền lãi nhận được trong năm	827.030.852	615.338.842
Số dư cuối năm	19.464.116.068	16.964.116.068

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.079.572.716	10.059.454.943

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.059.454.943	10.039.238.233
Thu nhập lãi	20.117.773	20.216.710
Số dư cuối năm	10.079.572.716	10.059.454.943

PHÚ HƯNG





Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024 VND
<b>Khoản vay ngắn hạn từ</b>						
▪ Ngân hàng trong nước	VND	377.000.000.000	3.909.323.000.000	(3.842.323.000.000)	-	444.000.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	1.613.040.000.000	3.981.124.000.000	(4.599.034.000.000)	(5.742.000.000)	989.388.000.000
		1.990.040.000.000	7.890.447.000.000	(8.441.357.000.000)	(5.742.000.000)	1.433.388.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) (Thuyết minh 5) và 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,0% đến 6,7% (31/12/2023: 3,0% đến 7,7%).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	302.444.042.910	294.490.534.600
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	96.446.838.530	78.743.108.360
Chứng quyền có đảm bảo phải trả	-	6.479.570.000
Phải trả khác	875.000.000	9.408.104.000
	<hr/>	<hr/>
	399.765.881.440	389.121.316.960
	<hr/>	<hr/>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>2024</b>	<b>Số dư đầu năm</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số khấu trừ/</b>	<b>Số dư cuối năm</b>	
				<b>Phải thu</b>	<b>Phải trả</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>số đã nộp</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>trong năm</b>		
			<b>VND</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.876.238.675	2.783.054.935	(8.719.340.658)	2.060.047.048	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.122.225.824	96.152.852.799	(95.898.783.462)	-	7.376.295.161
Thuế giá trị gia tăng	15.828.533	118.234.429	(133.717.487)	-	345.475
Thuế nhà thầu nước ngoài	968.005.930	11.925.617.606	(12.113.724.738)	-	779.898.798
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	11.982.298.962	110.979.759.769	(116.865.566.345)	2.060.047.048	8.156.539.434
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2023	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm	
				Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.875.701.514	14.535.289.259	(14.534.752.098)	-	3.876.238.675
Thuế thu nhập cá nhân	10.232.466.822	97.203.493.389	(100.313.734.387)	-	7.122.225.824
Thuế giá trị gia tăng	20.445.759	112.809.097	(117.426.323)	-	15.828.533
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.126.398.046	12.485.057.726	(12.643.449.842)	-	968.005.930
	15.255.012.141	124.007.245.731	(127.279.958.910)	-	11,982,298,962

**22. Chi phí phải trả**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí cho nhân viên	8.929.587.973	11.185.869.371
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.670.256.292	3.240.189.252
Chi phí lãi	3.434.719.656	5.820.169.366
Phí tư vấn	124.877.920	92.803.065
Các chi phí khác	2.405.637.959	2.972.765.050
	17.565.079.800	23.311.796.104

**23. Các khoản phải trả khác**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cổ tức	2.095.392.513	1.823.928.393
Các khoản phải trả cho khách hàng	10.000.000	9.884.000.000
Các khoản phải trả khác	5.223.155	12.407.236
	2.110.615.668	11.720.335.629



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

(a) Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.329	2.000.097.005.000	150.009.329	1.500.097.005.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	50.000.000	500.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000

Danh sách các cổ đông góp vốn như sau:

Cổ đông	31/12/2024		31/12/2023	
	VND	%	VND	%
Phu Hung Far East Holding Corporation	920.046.000.000	46,00	690.046.000.000	46,00
New Beam International Inc	416.767.450.000	20,84	261.767.450.000	17,45
Cat Tinh Development Limited	99.581.770.000	4,98	2.581.770.000	0,17
Dong Bang Development Limited	90.904.860.000	4,55	72.904.860.000	4,86
Các cổ đông khác	472.798.110.000	23,63	472.798.110.000	31,52
	2.000.098.190.000	100	1.500.098.190.000	100

**25. Cổ tức**

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 45.002 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (2023: 30.002 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL**

2024	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM</i>					
HPG	1.126.100	29.052	32.715.830.000	30.307.174.067	2.408.655.933
VCG	151.167	19.724	2.981.616.050	3.277.649.569	(296.033.519)
RAL	16.800	138.348	2.324.240.000	2.022.620.800	301.619.200
SSI	60.000	35.986	2.159.150.000	2.178.850.000	(19.700.000)
GAS	41.000	75.971	3.114.800.000	3.168.780.000	(53.980.000)
SZC	65.000	41.901	2.723.575.000	2.204.289.860	519.285.140
BMP	17.000	104.027	1.768.460.000	1.480.974.836	287.485.164
PVD	53.000	30.504	1.616.700.000	1.571.736.904	44.963.096
Khác	884.563	41.017	36.282.373.860	35.531.367.541	751.006.319
	2.414.630	35.486	85.686.744.910	81.743.443.577	3.943.301.333
<b>Chứng quyền</b>					
CHPG2314	2.424.100	3.244	7.862.635.789	8.733.303.500	(870.667.711)
	4.838.730	19.333	93.549.380.699	90.476.747.077	3.072.633.622

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2023	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
<b>Các TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM</i>					
STB	2.474.626	28.355	70.168.706.700	73.361.309.866	(3.192.603.166)
HPG	1.841.327	26.461	48.723.664.300	48.213.453.160	510.211.140
SAB	38.920	97.973	3.813.120.000	4.352.695.917	(539.575.917)
FPT	34.653	82.812	2.869.696.800	2.719.242.403	150.454.397
GAS	24.040	102.373	2.461.045.100	2.415.555.913	45.489.187
MBB	105.673	19.631	2.074.443.650	1.937.748.694	136.694.956
BVH	46.953	41.717	1.958.736.500	2.310.531.609	(351.795.109)
HCM	55.545	29.866	1.658.905.400	1.509.753.851	149.151.549
KDH	50.789	31.492	1.599.422.400	1.600.247.965	(825.565)
VCG	57.600	24.860	1.431.955.000	1.196.833.681	235.121.319
Khác	406.196	29.737	12.078.963.350	12.370.400.130	(291.436.780)
	5.136.322	28.978	148.838.659.200	151.987.773.189	(3.149.113.989)
<b>Chứng quyền</b>					
CHPG2303	1.781.200	2.524	4.495.860.000	4.867.811.000	(371.951.000)
CHPG2314	7.592.600	3.546	26.922.017.211	26.779.793.000	142.224.211
CSTB2311	6.466.600	2.158	13.954.862.000	9.334.663.500	4.620.198.500
	15.840.400	2.864	45.372.739.211	40.982.267.500	4.390.471.711
	20.976.722	9.258	194.211.398.411	192.970.040.689	1.241.357.722



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	37.337.733.669	73.112.766.792

**28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	268.041.189.527	302.772.368.474
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	10.492.234.820	11.502.269.856
	<b>278.533.424.347</b>	<b>314.274.638.330</b>

**29. Chi phí môi giới chứng khoán**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí lương cho nhân viên	51.897.823.423	51.644.510.393
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	51.719.158.421	54.464.670.720
Phí môi giới chứng khoán	30.886.469.119	30.942.476.059
Chi phí thuê	15.441.300.505	14.228.900.027
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.099.750.388	3.752.495.471
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	526.632.944	428.675.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.343.689.482	10.937.337.266
Chi phí khác	1.862.725.136	2.465.477.501
	<b>166.777.549.418</b>	<b>168.864.542.818</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí lãi**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí lãi vay	127.618.442.639	148.176.944.209
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	1.187.610.102	948.813.246
	<hr/>	<hr/>
	128.806.052.741	149.125.757.455

**31. Chi phí quản lý**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Chi phí lương cho nhân viên	45.734.078.921	43.867.319.220
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	9.842.027.230	8.433.358.870
Chi phí thuê	7.587.180.882	7.524.266.211
Chi phí công cụ và dụng cụ	9.082.983.587	7.473.503.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.555.188.185	31.516.121.263
Chi phí khác	3.878.525.471	4.352.192.396
	<hr/>	<hr/>
	106.679.984.276	103.166.761.773



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.780.505.495	14.468.237.096
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.440	67.052.163
	2.783.054.935	14.535.289.259
<b>Lợi ích thuế hoãn lại</b>		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
	232.849.546	11.648.447.958

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	340.912.582	56.199.240.960
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	68.182.516	11.239.848.192
Chi phí không được khấu trừ thuế	276.641.814	406.085.919
Thu nhập không bị tính thuế	(114.524.224)	(64.538.316)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.440	67.052.163
	232.849.546	11.648.447.958

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	108.063.036	44.550.793.002

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	150.009.819	150.009.819
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	4.508.197	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(490)	(490)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	154.517.526	150.009.329

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,7	297

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>Phu Hung Far East Holding Corporation</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	20.701.380.000	13.800.920.000
Góp vốn	230.000.000.000	-
<b>New Beam International Inc</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	7.853.023.500	5.235.349.000
Góp vốn	155.000.000.000	-
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	86.697.379	85.755.017
<b>An Thịnh Development Limited</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	5.234.220.000	11.305.394.400
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	2.242.024.500	1.494.683.000
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	24.751.951	24.482.909
<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	941.054.100	627.369.400
Phí bảo hiểm	85.972.476	84.466.880
Phí quản lý số cổ đông	27.272.725	27.272.727
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	10.445.625	10.329.580
<b>Freshfields Capital Corporation (iii)</b>		
Cổ tức bằng tiền đã trả	387.145.800	258.097.200
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.274.089	4.227.632
<b>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)</b>		
Phí dịch vụ	1.228.290.323	3.581.516.129
Phí giao dịch	42.748.621	303.379
<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)</b>		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.515.245	4.297.858
Phí quản lý số cổ đông	45.328.285	45.454.545

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>An Thịnh Development Limited</b>		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
<b>New Beam International Inc</b>		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	7.538.903	10.178.971
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)</b>		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	70.446.185	52.336.500
<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)</b>		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	908.563	822.961
Doanh thu chưa thực hiện	9.604.107	-
<b>Freshfields Capital Corporation (iii)</b>		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	371.660	336.817
<b>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)</b>		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	1.250
<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)</b>		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	151.573
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.085.121.900	6.567.365
Doanh thu chưa thực hiện	11.742.422	-



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.999.683.502	1.851.993.356
<b>Người quản lý khác</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.865.111.265	2.555.327.684
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
<b>Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	240.000.000	240.000.000

- (i) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng là Trưởng Ban Kiểm Soát của Công ty.
- (iii) Freshfields Capital Corporation – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Freshfields Capital Corporation là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (iv) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (v) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Tổng Giám Đốc của Công ty.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 35. Báo cáo bộ phận

**(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

	<b>Mã số</b>	<b>Môi giới chứng khoán VND</b>	<b>Tự doanh chứng khoán VND</b>	<b>Kinh doanh nguồn vốn VND</b>	<b>Các bộ phận khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>2024</b>						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	146.796.428.959	12.554.313.374	339.470.805.587	7.828.166.076	506.649.713.996
2. Chi phí trực tiếp	02	166.250.916.474	7.005.432.232	294.780.132.582	9.055.184.242	477.091.665.530
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	526.632.944	-	9.842.027.230	-	10.368.660.174
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	(399.608.767)	-	-	(399.608.767)
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	19.416.899.811	-	19.416.899.811
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	308.753.709	308.753.709
7. Chi phí khác	07	-	-	-	139.938.375	139.938.375
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)</b>	<b>08</b>	<b>(19.981.120.459)</b>	<b>5.948.489.909</b>	<b>15.431.745.964</b>	<b>(1.058.202.832)</b>	<b>340.912.582</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>						
Tài sản bộ phận		52.338.768.395	73.919.649.233	3.803.027.149.955	2.079.801.674	3.931.365.369.257
Nợ phải trả bộ phận		407.347.110.448	262.089.707	1.456.135.987.352	522.371.003	1.864.267.558.510

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**35. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

**(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
<b>2023</b>						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	151.313.807.371	14.328.354.651	428.179.369.166	5.977.980.992	599.799.512.180
2. Chi phí trực tiếp	02	168.435.867.437	12.901.825.970	328.718.872.358	7.544.995.590	517.601.561.355
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	428.675.381	-	8.433.358.870	-	8.862.034.251
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	145.893.176	-	-	145.893.176
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	16.830.664.047	-	16.830.664.047
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	468.124.194	468.124.194
7. Chi phí khác	07	-	-	-	628.242.585	628.242.585
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)</b>	<b>08</b>	<b>(17.550.735.447)</b>	<b>1.280.635.505</b>	<b>74.196.473.891</b>	<b>(1.727.132.989)</b>	<b>56.199.240.960</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>						
Tài sản bộ phận		55.628.313.088	90.734.283.749	3.892.105.544.586	2.270.228.475	4.040.738.369.898
Nợ phải trả bộ phận		383.915.984.686	325.900.048	2.026.951.537.636	17.552.401.117	2.428.745.823.487

**(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

### 36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Trong vòng một năm	22.938.870.704	26.763.954.317
Từ hai đến năm năm	17.344.063.347	38.159.173.523
	<hr/> 40.282.934.051	<hr/> 64.923.127.840

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh  
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc



**TỜ TRÌNH**

**Báo Cáo của Hội Đồng Quản Trị  
kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhiệm kỳ 2022 – 2025 có 05 thành viên:

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Wu, Jin - Jeng	Thành viên HĐQT
Ông Chen Chia Ken	Thành viên HĐQT
Bà Liu, Hsiu - Mei	Thành viên Độc lập HĐQT

**2. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và công tác giám sát của HĐQT năm 2024**

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) hiện có năm (05) người gồm một (01) Chủ tịch và bốn (04) thành viên. HĐQT được ủy quyền thực hiện tất cả các nhiệm vụ và quyết định liên quan đến công ty, ngoại trừ các quyền dành cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Các hoạt động của HĐQT được quy định theo Điều 33 của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2024, HĐQT tổ chức 08 cuộc họp, mục đích để Quyết định các hoạt động kinh doanh cho từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển chung của công ty, các công việc cụ thể như sau:

- Xem xét và phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động môi giới, các kế hoạch hoạt động, kinh doanh hàng tháng;
- Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (Đại hội) ngày 17/04/2024;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;



- Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2023;
- Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
- Thông qua Báo cáo quản trị công ty năm 2023;
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn;
- Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi;
- Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của công ty năm 2024;
- Thông qua Dự toán ngân sách tài chính năm 2024;
- Thông qua Thù lao dành cho từng thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát (BKS) năm 2024;
- Thông qua Việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của công ty;
- Thông qua Việc sửa đổi chính sách Quản lý Rủi ro;
- Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện công việc của khối Kiểm toán nội bộ;
- Thông qua Việc thay đổi địa chỉ Chi nhánh Quận 3;
- Thông qua Việc đóng cửa chi nhánh Hà Nội và miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hà Nội;
- Ngoài ra, HĐQT thường xuyên cập nhật, giám sát hoạt động kinh doanh hàng tháng của Công ty và kịp thời đưa ra các chỉ đạo phù hợp tình hình thực tế.

### **3. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Năm 2024, HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp và triệu tập thành viên tham gia họp đáp ứng các yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả. HĐQT xác định rõ vai trò của mỗi thành viên, đặc biệt là giữa thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT điều hành. Hoạt động của HĐQT năm 2024 tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế quản trị công ty.

HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với chiến lược kinh doanh tại từng thời điểm, đồng thời giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, thường xuyên rà soát và điều chỉnh các chính sách, quy định của công ty nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời với những thay đổi trong tình hình kinh tế và thị trường.

HĐQT đưa ra định hướng và chỉ đạo giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (TGD), đảm bảo sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách hiện hành.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NĂM 2024**

### **1. Kết quả hoạt động**

Ngày 24/12/2024, công ty nhận Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

### **2. Kết quả kinh doanh**

*Số liệu kinh doanh năm 2024*



Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	2024
Tổng tài sản	3.931.365.369.257
Tổng nợ phải trả	1.864.267.558.510
Vốn chủ sở hữu	2.067.097.810.747
Doanh thu	506.649.713.996
Kết quả hoạt động	172.097.248
Lợi nhuận trước thuế	340.912.582
Lợi nhuận sau thuế	108.063.036

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>	
Chỉ số thanh toán hiện hành	2,06
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	
Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,47
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,90
<b>3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>	
Vòng quay tổng tài sản	0,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>	
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	0,00003
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,00007
<b>5. Chỉ tiêu về giá cổ phiếu (VNĐ)</b>	
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu – cơ bản (EPS)	1
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BPS)	10.335

Kết quả kinh doanh năm 2024 của công ty chịu ảnh hưởng đồng thời từ các yếu tố tích cực và tiêu cực của thị trường trong nước và quốc tế. Tổng doanh thu cả năm đạt 506,64 tỷ đồng giảm 15,5% so với năm trước đó, đạt 67,9% kế hoạch năm do ĐHĐCĐ phê duyệt. Năm 2024, công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế, 108 triệu đồng. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên.

### III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.



Công ty đã hoàn thành việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2024. Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 102/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2024, qua đó tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng. HĐQT đã thực hiện việc cập nhật vốn điều lệ mới vào Điều lệ công ty.

Công ty cũng đã hoàn thành thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/86\_0424/NQ-HĐQT ngày 30/05/2024.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông.

#### **IV. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm 2024, ĐHĐCĐ đã thông qua thù lao cho HĐQT và BKS là 1,920,000,000 đồng, thực chi là 1,680,000,000 đồng như đề cập trong tờ trình về dự toán ngân sách tài chính năm 2024. Thù lao của từng thành viên HĐQT được công bố tại báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

Ông Chen Chia Ken là thành viên HĐQT kiêm TGD, do đó, ngoài thù lao, ông Chen Chia Ken được nhận tiền lương theo vị trí.

#### **V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2025 được kỳ vọng sẽ là một năm mang tính bước ngoặt đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, nhờ cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khả năng nâng hạng thị trường từ "Cận Biên" lên "Mới Nổi" bởi FTSE. Các công ty chứng khoán, bao gồm PHS, đã chuẩn bị kỹ lưỡng cho những thay đổi này. PHS đã ra mắt ứng dụng di động mới, PHS Elite, cung cấp các tính năng hiện đại cho phép khách hàng giao dịch và theo dõi thông tin tài chính mọi lúc, mọi nơi. Bên cạnh đó, PHS không ngừng mở rộng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm tài chính, bao gồm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, nhằm đáp ứng nhu cầu của cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Với định hướng 2025 của công ty sẽ tiếp tục tập trung về dịch vụ, sáng tạo, sản phẩm, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể để PHS đạt được mục tiêu trên. Cụ thể:

- Lấy khách hàng làm trung tâm: nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua tối ưu hóa quy trình, các công cụ quản lý danh mục đầu tư hiện đại và cá nhân hóa dịch vụ tư vấn.
- Chuyển đổi số: tăng cường các sản phẩm kỹ thuật số bằng cách nâng cấp nền tảng giao dịch với khả năng phân tích theo thời gian thực, tích hợp tin tức thị trường và thông tin được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI).
- Kiến thức cho nhà đầu tư: triển khai các chương trình đào tạo toàn diện và tổ chức hội thảo dành cho khách hàng cá nhân và tổ chức, tập trung vào việc cập nhật các quy định pháp lý và chiến lược thị trường.

- d) Tích hợp công nghệ: ứng dụng AI và học máy (Machine Learning) để cải thiện thuật toán giao dịch, tối ưu hóa quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả giám sát tuân thủ.
- e) Danh mục sản phẩm đa dạng: mở rộng cung cấp sản phẩm như ETF, sản phẩm cấu trúc và công cụ phái sinh được thiết kế phù hợp với nhu cầu thị trường.
- f) Giải pháp riêng biệt tùy chỉnh: phát triển các công cụ tài chính và sản phẩm giao dịch ký quỹ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân có giá trị tài sản ròng cao.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.  
Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

No.: 01/2025/TTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

### **Báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán KPMG;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty năm 2024;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

Thay mặt cho Ban Kiểm soát Công ty, tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thẩm định tình hình hoạt động của Công ty năm 2024 như sau:

#### **1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024**

Ban Kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình tài chính của Công ty trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý.

#### **2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY**

Công ty tuân thủ đúng với những quy định trong Luật Chứng khoán và những quy định khác của Nhà nước, cụ thể là:

- Về tỷ lệ an toàn tài chính: Công ty thực hiện và gửi báo cáo về Tỷ lệ An toàn Tài chính định kỳ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13/11/2020 và Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về hạn mức đầu tư: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 28 trong Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về công bố thông tin: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020.

- d. Những quy định khác như Quy chế giao dịch đối với thành viên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, cũng như quy định đối với tổ chức niêm yết và quy định về thuế và sử dụng lao động cũng được tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ.

### 3. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- a. Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và nhìn chung, hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở mang lại lợi ích cho Công ty.
- b. Trong năm tài chính 2024, Công ty đã nghiêm túc chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật và không có khiếu nại của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.
- c. Công ty đã hoàn chỉnh công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro để tất cả các Chi nhánh/Phòng giao dịch trực thuộc Công ty luôn đi vào nề nếp với một phương hướng đúng đắn và đảm bảo Công ty phát triển bền vững lâu dài.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM<sub>2</sub> BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN**  
**PHÚ HƯNG**  
**LIÊU SEP SIANG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số.: 03/2025/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng

**Đính kèm:**

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ALBERT KWANG-CHIN TING**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số: 02/2024/BC-PHS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
NĂM 2024**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS)**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 54135479 Fax: (84-28) 54135472
- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: PHS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (Đã thực hiện/ Chưa thực hiện): Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông.**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	17/4/2024	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;</li> <li>2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;</li> <li>3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;</li> <li>4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023;</li> <li>5. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2024;</li> <li>6. Thông qua Dự toán ngân sách năm 2024;</li> <li>7. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024;</li> <li>8. Thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi;</li> <li>9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông;</li> <li>10. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>11. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</li> <li>12. Thông qua việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping Min và bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát.</li> <li>13. Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty.</li> </ol>

## II. Hội đồng Quản trị (Năm 2024):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06/4/2016	-
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	06/4/2016	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	06/4/2016	-
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	06/4/2016	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập	17/4/2019	-

### 2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	08	100%	-
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	08	100%	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	08	100%	-
4.	Ông Chen Chia Ken	08	100%	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	08	100%	-

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng những nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao trên tinh thần tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS. Những hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thể hiện thông qua các báo cáo hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc và được thể hiện trong các Biên bản họp của Hội đồng Quản trị.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có):

PHS không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị nên không có hoạt động nào để báo cáo.

### 5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị (Năm 2024):



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/83_0124/NQ-HĐQT	24/01/2024	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 31/12/2023;</li> <li>2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2023;</li> <li>3. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2024.</li> </ol>	100%
2.	01/84_0224/NQ-HĐQT	28/02/2024	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên;</li> <li>2. Thông qua việc tăng và gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI.</li> </ol>	100%
3.	01/85_0324/NQ-HĐQT	22/03/2024	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024;</li> <li>2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;</li> <li>3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;</li> <li>4. Thông qua báo cáo quản trị công ty năm 2023;</li> <li>5. Thông qua kế hoạch phát triển và kinh doanh công ty trong năm 2024;</li> <li>6. Thông qua dự toán ngân sách tài chính năm 2024;</li> <li>7. Thông qua phương án xử lý nợ khó đòi;</li> <li>8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông;</li> </ol>	100%

			<p>9. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</p> <p>10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>11. Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của PHS;</p> <p>12. Thông qua giấy ủy quyền cho ông Chen Chia Ken – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa đại hội và ký những văn bản liên quan đến đại hội ngày 17/04/2024;</p> <p>13. Thông qua báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2023;</p> <p>14. Thông qua việc gia hạn hợp đồng thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>15. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin;</p> <p>16. Thông qua điều kiện chào bán Chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2024.</p>	
4.	01/86_0424/NQ-HĐQT	30/05/2024	<p>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/03/2024;</p> <p>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/03/2024;</p> <p>3. Thông qua thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;</p> <p>4. Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung Quy chế Phòng Chống Rửa Tiền;</p>	100%

			<ol style="list-style-type: none"> <li>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và tăng hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – chi nhánh Đồng Nai;</li> <li>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với Ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</li> <li>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial &amp; Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai;</li> <li>10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>11. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>12. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa – chi nhánh HSI-Sung;</li> <li>13. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun – chi nhánh Offshore;</li> <li>14. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Offshore;</li> <li>15. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU;</li> </ol>	
--	--	--	--	--



			<p>16. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong;</p> <p>17. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023;</p> <p>18. Thông qua Quy chế công bố thông tin;</p> <p>19. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện công việc của khối Kiểm toán nội bộ.</p>	
5.	01/87_0524/NQ-HĐQT	27/06/2024	<p>1. Thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng;</p> <p>2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức thấu chi với Ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Offshore;</p> <p>5. Thông qua việc đính chính nội dung tiếng Việt tại điều 10 của Nghị quyết số 01/86_0424/NQ-HĐQT và điều 6 của Nghị quyết số 04/86_0424/NQ-HĐQT đã ban hành tháng 5/2024;</p> <p>6. Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ hàng năm cho nửa cuối năm 2024.</p>	100%
6.	01/88_0624/NQ-HĐQT	27/9/2024	<p>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/06/2024;</p> <p>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/06/2024;</p>	100%

			<ul style="list-style-type: none"> <li>3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Panhsin;</li> <li>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC;</li> <li>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại EnTie – Chi nhánh Offshore;</li> <li>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp tác Đài Loan – Chi nhánh Offshore;</li> <li>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan.</li> </ul>	
7.	01/89_0724/NQ-HĐQT	28/11/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/9/2024;</li> <li>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/9/2024;</li> <li>3. Thông qua việc thay đổi địa chỉ chi nhánh Quận 3;</li> <li>4. Thông qua việc đóng cửa chi nhánh Hà Nội và miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hà Nội;</li> <li>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Hội sở;</li> <li>6. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Shanghai Commercial &amp; Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai;</li> </ul>	100%

			7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn; 8. Thông qua ngân sách công ty năm 2025.	
8.	01/90_0824/NQ-HĐQT	30/12/2024	1. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025; 2. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2025; 3. Thông qua Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức giao dịch ngoại tệ ngắn hạn với Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – OBU.	100%

### III. Ban Kiểm soát (Năm 2024):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2019	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2.	Ông Chiu Hsien Chih	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 06/04/2016	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
3.	Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 31/03/2022 Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024	Cử nhân Thương mại
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024	Cử nhân Quản trị kinh doanh



## 2. Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Liew Sep Siang	02	100%	100%	-
2.	Ông Chiu Hsien Chih	02	100%	100%	-
3.	Bà Kuo, Ping-Min	01	100%	100%	Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	01	100%	100%	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS. Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như hoạt động của các phòng ban của PHS.

## 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các khối, phòng ban để quá trình quản lý và các hoạt động kinh doanh diễn ra thuận lợi, có hiệu quả đồng thời tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS.

## 5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

Không còn hoạt động nào khác của Ban Kiểm soát để báo cáo.

## IV. Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc
1.	Ông Chen Chia Ken	14/10/1971	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016
2.	Bà Phạm Thị Thu Nhân	13/06/1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016

## V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Ái Vy	16/9/1986	Cử nhân	Ngày bổ nhiệm: 07/12/2018

## VI. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty luôn cập nhật đầy đủ các vấn đề đào tạo về quản trị Công ty.

Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Ban Tổng Giám đốc và Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành khóa học Quản trị Công ty Cổ phần trong bối cảnh hội nhập thị trường vốn và nâng hạng thị trường chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2024) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
3.	Ông Wu, Jin-Jeng		Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			17/04/2019	-	-	Người nội bộ
6.	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm soát			17/04/2019	-	-	Người nội bộ



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
7.	Ông Chiu Hsien Chih		Thành viên Ban Kiểm soát			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
8.	Bà Kuo, Ping-Min		Thành viên Ban Kiểm soát			31/03/2022	17/04/2024	-	Người nội bộ
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			17/04/2024	-	-	Người nội bộ
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám Đốc			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			07/12/2018	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
12.	Bà Chiêu Nhã Thy		Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty			07/05/2021	-	-	Người nội bộ
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Anh		Phó Phòng khối Quản lý rủi ro			21/05/2022	-	-	Người nội bộ
14.	Bà Bạch Thị Phương Thảo		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			15/07/2022	-	-	Người nội bộ
15.	Ông Huang Kai Sheng		Phó Giám đốc Khối Tài chính			15/07/2022	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
16.	Phu Hung Far East Holding Corporation		-	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn
17.	An Thinh Development Limited		-	1873621 – 12/05/2015 – British Virgin Islands	Coastal Building, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn
18.	New Beam International INC		-	1909904 – 24/03/2016 – British Virgin Islands	Ground Floor, Coastal Building Wickhams Cay II, P O Box 3169, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn

**Ghi chú:** số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).



**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Phu Hung Far East Holding Corporation	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Từ ngày 29/11/2024 đến ngày 29/11/2024	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024	230.000.000.000 VND	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024

**Ghi chú:** số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

**4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):** Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Năm 2024)**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của công ty.**

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			-	-	-
1.1	Cha: Lawrence S. Ting	-	Đã mất	-	-	-	-	-
1.2	Mẹ: Ting Fei Tsong-Ching	-	-			-	-	-
1.3	Vợ: Wong, I-Ting	-	-			-	-	-
1.4	Chị: Ting, Kwang I	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.5	Chị: Ting, Kwang-Yu	-	-			-	-	-
1.6	Em: Ting, Kwang Hung		-			-	-	-
1.7	Phu Hung Far East Holding Corporation		Ông Albert Kwang-Chin Ting là thành viên HĐQT	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	92.004.600	46,00%	-
1.8	Freshfields Capital Corporation		Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT	80690793 – 31/03/2004 – Đài Loan	18F., No.4, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng Dist., Taipei City 100, Taiwan (R.O.C.)	1.290.486	0,65%	-
1.9	Công ty Cổ phần Quản lý		Ông Albert Kwang-Chin Ting	24/UBCK-GP 28/12/2007	Phòng số 4, Tầng 21,	-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Quý Phú Hưng		là chủ tịch HĐQT	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh			
2.	<b>Ông Nguyễn Doan Hùng</b>	-	<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>			-	-	-
2.1	Cha: Nguyễn Văn Trần	-	Đã mất	-	-	-	-	-
2.2	Mẹ: Phạm Thị Bắc	-	Nghỉ hưu			-	-	
2.3	Con gái: Nguyễn Phương Anh	-	-			-	-	-
2.4	Con trai: Nguyễn Hưng Nam	-	-			-	-	-
2.5	Chị gái: Nguyễn Nhị Hà	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.6	Chị gái: Nguyễn Thái Bình	-	-			-	-	-
2.7	Chị gái: Nguyễn Hồng Nga	-	-			-	-	-
2.8	Chị gái: Nguyễn Hồng Việt	-	-			-	-	-
2.9	Em trai: Nguyễn Hùng Mạnh		-			258.177	0,13%	-
2.10	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	Ông Nguyễn Đoàn Hùng là thành viên HĐQT	0303576603 – 18/11/2004 – Sở kế hoạch và đầu tư	23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	-	-	
3.	<b>Ông Wu, Jin-Jeng</b>		<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>			-	-	-
3.1	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành	0102340904 – 13/09/2017 – Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tầng 14, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh,	7.473.415	3,74%	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
			viên HĐQT		Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội			
3.2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT	24/UBCK-GP – 28/12/2007 – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			-	-	-
4.1	Cha: Chen Yi Fan	-	Đã mất	-	-	-	-	-
4.2	Mẹ: Tsai Pi Chin	-	-			-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.3	Vợ: Wang Tzu	-	-			-	-	-
4.4	Con: Chen Hsiu Te	-	-			-	-	-
4.5	Con: Chen Hsiu Yi	-	-			-	-	-
5.	<b>Bà Liu, Hsiu-Mei</b>	-	<b>Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị</b>			-	-	-
5.1	Cha: Liu, Guo-Cheng	-	-			-	-	-
5.2	Mẹ: Chen, Yue-E	-	-			-	-	-
5.3	Chồng: Chiu, Yi-Hung	-	-			-	-	-
5.4	Con gái: Chiu, Chen-Yu	-	-	-		-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.5	Con trai: Chiu, Chen- Kai	-	-	-		-	-	-
5.6	Con trai; Chiu, Chen En	-	-	-		-	-	-
6.	<b>Ông Liew Sep Siang</b>		<b>Trưởng Ban Kiểm Soát</b>			-	-	-
6.1	Cha: Liew Ee Khong	-	-			-	-	-
6.2	Mẹ: Lee Yeak Leak	-	-			-	-	-
6.3	Anh: Liew Sep Leng	-	-			-	-	-
6.4	Chị: Liew Chin Hui	-	-			-	-	-
6.5	Anh: Liew Sep Yong	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.6	Vợ: Chu Zi Yan	-	-			-	-	-
6.7	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	41/GP-KDBH 12/12/2006 Bộ Tài chính	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	3.136.847	1,57%	
6.8	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Trưởng Ban kiểm soát	24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	-
7.	<b>Ông Chiu Hsien Chih</b>		<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>			-	-	-
7.1	Cha: Chiu Chuei Chun	-	Đã mất	-	-	-	-	-
7.2	Mẹ: Syu Yue Ye	-	Đã mất	-	-	-	-	-
7.3	Vợ: Lin Ching Yi	-	-			-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.4	Chị: Chiu Li Chiu	-	-			-	-	-
7.5	Chị: Chiu Li Ying	-	-			-	-	-
7.6	Chị: Chiu, Hsueh-O	-	-			-	-	-
8.	<b>Bà Kuo, Ping-Min</b>		<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>			-	-	Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024
8.1	Mẹ: Ding Zhi Fang	-	-			-	-	-
8.2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			-	-	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024
9.1	Bà: Wang, Pai-Fu	-	-			-	-	-
9.2	Mẹ: Yeh, Mei-Yu	-	-			-	-	-
9.3	Công Ty TNHH Truyền Thông Thế Sáng		Giám đốc	0311068000 – 15/08/2011 – Sở KT và ĐT TP HCM	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 08 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	-	-	-
9.4	Công Ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền	-	Giám đốc	0312894874 – 15/08/2014 – Sở KT và ĐT TP HCM	Tầng 3 - Tầng 4, Tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	-	-	-
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám đốc			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.1	Cha: Phạm Ngọc Hồ	-	-			-	-	-
10.2	Mẹ: Phạm Thị Hơn	-	-			-	-	-
10.3	Con: Nguyễn Phạm An Nhiên	-	-	Còn nhỏ		-	-	-
10.4	Em: Phạm Ngọc Tịnh		-			-	-	-
10.5	Em: Phạm Thị Cẩm Xuyên		-			-	-	-
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.1	Cha: Đỗ Gia Văn	-	-			-	-	-
11.2	Mẹ: Nguyễn Thị Tuyết	-	-			-	-	-
11.3	Chồng: Phạm Đức Vũ	-	-			-	-	-
11.4	Con: Phạm Gia Khiêm	-	-	Còn nhỏ		-	-	-
11.5	Con: Phạm Bảo Châu	-	-	Còn nhỏ		-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.6	Chị: Đỗ Thị Ly Ly	-	-			-	-	-
11.7	Em: Đỗ Thị Uyển My	-	-			-	-	-
11.8	Em: Đỗ Gia Bảo	-	-			-	-	-
12.	Bà Chiêu Nhã Thy		Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty			-	-	-
12.1	Bố: Chiêu Đức Nghĩa	-	-			-	-	-
12.2	Mẹ: Lương Ngọc Mai	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.3	Em trai: Chiêu Đức Tâm	-	-			-	-	-
12.4	Em gái: Chiêu Bội Thy	-	-			-	-	-
13.	<b>Bà Nguyễn Thị Thu Anh</b>		<b>Phó phòng Khối Quản lý rủi ro</b>			<b>107</b>	<b>0,000053%</b>	
13.1	Cha: Nguyễn Ngọc Dũng		-			-	-	-
13.2	Mẹ: Hồ Thị Thu Vân		-			-	-	-
13.3	Anh trai: Nguyễn Ngọc Anh		-			-	-	-



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
13.4	Em trai: Nguyễn Tuấn Anh		-			-	-	-
14.	<b>Bà Bạch Thị Phượng Thảo</b>		<b>Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ</b>			-	-	-
14.1	Bố ruột: Bạch Quang Vinh	-	-			-	-	-
14.2	Mẹ ruột: Đinh Thị Ngọc Hạnh	-	-			-	-	-
14.3	Em: Bạch Chí Cường	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
14.4	Con: Nguyễn Phúc Hoàng	-	-	-		-	-	
15.	<b>Ông Huang Kai Sheng</b>		<b>Phó Giám đốc Khối Tài chính</b>			-	-	-
15.1	Cha: Huang, Jeng-Her	-	-			-	-	-
15.2	Mẹ: Wu, Chen-Chen	-	-			-	-	-
15.3	Vợ: Chiang, Chu-Yun	-	-			-	-	-
15.4	Con: Huang, Ping-Chieh	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
-	-	-	-	-	-	-	-

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: BTKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Albert Kwang-Chin Ting**



**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn  
cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ  
ngày 29/11/2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**Đính kèm:**

- Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ALBERT KWANG-CHIN TING**



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn  
từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024  
cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ  
ngày 29 tháng 11 năm 2024



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy  
Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887**

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần,  
và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp  
số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế  
hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

**Ban Kiểm soát**

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên
	(đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower  
8 Hoàng Văn Thái  
Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch  
Phú Mỹ Hưng**

Tầng trệt, CR2-08  
107 Tôn Dật Tiên  
Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4  
458 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường 2, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ  
Phường 2, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex  
N04 Hoàng Đạo Thúy  
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

**Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco  
18 Trần Hưng Đạo  
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10  
81-83-83B-85 Hàm Nghi  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) của Công ty.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Chúng tôi cam đoan rằng:

- (a) Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty được lập theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn; và
- (b) chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh khác, được trình bày từ trang 6 đến trang 9 (sau đây được gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng vốn”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc xác định rằng cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán là phù hợp.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

## Cơ sở lập báo cáo và giới hạn sử dụng

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đó mô tả về cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được sử dụng để lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ("Nghị định 155") ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không thích hợp để sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước khác theo các quy định pháp luật hiện hành và công bố thông tin theo quy định của Nghị định 155 và không nhằm cho bất kỳ mục đích nào khác.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00202-25-1



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Căn cứ theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 155”) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) như sau:

Thông tin chung về đợt phát hành

1.	Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
2.	Mã cổ phiếu	: PHS
3.	Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
4.	Loại tiền tệ	: Đồng Việt Nam (“VND”)
5.	Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 VND/cổ phiếu
6.	Giá phát hành	: 10.000 VND/cổ phiếu
7.	Số lượng cổ phiếu phát hành	: 50.000.000 cổ phiếu
8.	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành	: 500.000.000.000 VND
9.	Hình thức phát hành	: Phát hành riêng lẻ
10.	Ngày bắt đầu đợt phát hành	: 29 tháng 11 năm 2024
11.	Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 29 tháng 11 năm 2024
12.	Mục đích phát hành	- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán; bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; - Nâng cao an toàn tài chính, bổ sung vốn cho các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh; - Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng các quy định của pháp luật

Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Đại Hội đồng Cổ đông thông qua Phương án phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, căn cứ Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 02/87\_0524/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2024 thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 VND, căn cứ công văn số 6942/UBCK-QLKD ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ban hành thông báo nhận được hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty, Công ty đã phát hành thành công 50.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu vào ngày 29 tháng 11 năm 2024. Ngày 9 tháng 12 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 8358/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

Chi tiết về số vốn nhận được bằng tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty như sau:

Ngày nhận tiền	Tài khoản ngân hàng nhận vốn	Số tiền VND
Ngày 29 tháng 11 năm 2024	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	500.000.000.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo tình hình sử dụng vốn**  
**cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Chi tiết vốn huy động và tiến độ sử dụng nguồn vốn của Công ty như sau:

	<b>Giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</b>
Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại ngày 29 tháng 11 năm 2024	500.000.000.000
Tiến độ sử dụng nguồn vốn huy động dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh như sau:	
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Chang Hwa	(255.182.503.915)
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Panshin	(25.524.156.177)
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Cathay United Bank – Offshore Banking Unit	(219.290.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.339.908

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập



**Bà Đỗ Thị Ái Vy**  
Kế toán trưởng

Người soát xét



**Ông Huang Kai Sheng**  
Phó Giám Đốc

Người duyệt



**Ông Chen Chia Ken**  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn**  
**cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đó.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 329 nhân viên (31/12/2023: 382 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) bao gồm các thông tin tài chính liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

- Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Công ty;
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn chỉ trình bày việc sử dụng vốn lần đầu, theo phương án sử dụng vốn được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và không trình bày việc quay vòng vốn, nếu có.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tình hình sử dụng vốn này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn**  
**cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 155”) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành. Báo cáo tình hình sử dụng vốn và việc sử dụng báo cáo này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và quy định của Nghị định 155. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không thích hợp sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu, thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này:

- Tiền thu từ đợt phát hành cổ phiếu được ghi nhận khi Công ty nhận tiền từ các cổ đông của Công ty;
- Việc sử dụng vốn được ghi nhận khi việc chi tiền được thực hiện.

**(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập

Người soát xét

Người duyệt



Bà Đỗ Thị Ái Vy  
Kế toán trưởng

Ông Huang Kai Sheng  
Phó Giám Đốc

Ông Chen Chia Ken  
Tổng Giám đốc



Số.: ..05../2025/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới**

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ  
PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("**Đại hội**") thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới như sau:

1. Dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ (Nghị quyết 10), Công ty đã thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác sau khi triển khai các Nghị quyết nêu trên. Theo đó, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024, ghi nhận vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn tỷ không trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).
2. Công ty đã thực hiện cập nhật các thông tin vốn điều lệ mới nêu trên vào Điều lệ đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ngày 10 tháng 01 năm 2025 căn cứ theo Điều 71.2(b) Điều lệ Công ty.



3. Nay, Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nội dung được cập nhật nêu trên tại Điều lệ của Công ty ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
PHÚ HƯNG  
ALBERT KWANG-CHIN TING



**TỜ TRÌNH**  
**Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2024	108.063.036 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2024	54.935.807.608 VND
Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền: 1% mệnh giá (Không bao gồm cổ phiếu quỹ)	20.000.932.900 VND

Trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**ALBERT KWANG-CHIN TING**



**TỜ TRÌNH**

**V/v: Định hướng phát triển Công ty trong năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Kế hoạch phát triển Công ty năm 2025 như sau:

Kế hoạch phát triển của Công ty năm 2025 sẽ ưu tiên phát triển theo hướng bền vững với việc cân bằng hợp lý giữa lợi nhuận và rủi ro.

**1. Môi giới**

Trong bối cảnh đầy thách thức này, PHS đã thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2024, doanh thu từ môi giới chứng khoán đạt 145 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2023. Bên cạnh đó, doanh thu từ cho vay ký quỹ giảm 11% xuống còn khoảng 278 tỷ đồng do mặt bằng lãi suất trên thị trường giảm. Để giảm ảnh hưởng và duy trì được biên lãi ròng, PHS đã ra mắt một loạt các sản phẩm tài chính với lãi suất cạnh tranh và điều kiện thuận lợi nhằm thu hút nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Nhằm thúc đẩy sự tham gia của khách hàng vào thị trường chứng khoán, PHS đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi hướng đến nhà đầu tư cá nhân và các đối tác giới thiệu. Những sản phẩm này đã thu hút một lượng lớn khách hàng mới, khẳng định cam kết phát triển và mở rộng của công ty. Nhìn đến năm 2025, PHS dự kiến sẽ nâng cao hiệu quả kinh doanh để tạo thêm giá trị cho cổ đông và củng cố đội ngũ nội bộ.

Chiến lược của PHS đã giúp củng cố vị thế của công ty trên thị trường. Trong năm 2024, PHS đạt vị trí thứ 8 trong thị trường môi giới phái sinh trên HNX với thị phần 2,88%, tăng 8,3% so với cuối năm 2023. Doanh thu từ giao dịch hợp đồng tương lai cũng có kết quả tốt hơn so với năm 2023. Để duy trì đà tăng trưởng này, PHS sẽ cải thiện chính sách khách hàng nhằm thu hút thêm các khách hàng tiềm năng và đội ngũ nhân viên kinh doanh tài năng. Ngoài ra, PHS sẽ đẩy mạnh giao dịch phái sinh trong đội ngũ kinh doanh hiện tại vì nhận thấy tầm quan trọng của công cụ này trong việc giúp khách hàng tìm kiếm lợi nhuận ngay cả khi thị trường giảm điểm. Song song đó, PHS tiếp tục hợp tác với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường bảo vệ nhà đầu tư. Cam kết này đã được ghi nhận vào năm 2024 khi PHS nhận Giải thưởng Thành viên tiêu biểu trong Hoạt động Thanh toán Giao dịch Chứng khoán Phái sinh từ



VSDC, qua đó khẳng định hiệu suất cao của PHS trong lĩnh vực này. PHS sẽ tiếp tục và tập trung vào việc nâng cao năng lực nghiên cứu, tinh chỉnh các dịch vụ cung cấp và mang lại giá trị lớn hơn cho khách hàng.

## **2. Tư vấn và Bảo lãnh phát hành**

Trong năm 2024, khối Tư vấn sẽ tiếp tục thực hiện quá trình tái cấu trúc nội bộ, với mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đồng thời, khối Tư vấn sẽ mở rộng mạng lưới đối tác và khách hàng thông qua việc kết nối với các khách hàng của các chi nhánh PHS và hợp tác với các công ty chứng khoán và tổ chức tài chính khác. Khối Tư vấn cũng sẽ tích cực kết nối và cung cấp các dịch vụ tư vấn cho các khách hàng quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Ngoài ra, khối Tư vấn sẽ cập nhật lại quy trình tư vấn nhằm đảm bảo việc kiểm soát rủi ro trong quá trình thực hiện các hợp đồng dịch vụ và việc lưu trữ, theo dõi hồ sơ khách hàng một cách hiệu quả.

Năm 2025, khối Tư vấn sẽ duy trì chiến lược kinh doanh chủ đạo là cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói cho khách hàng, bao gồm dịch vụ tư vấn niêm yết, phát hành và huy động vốn cho khách hàng. Khối Tư vấn cũng tiếp tục mở rộng mạng lưới nhà đầu tư trong và ngoài nước để đáp ứng như cầu huy động vốn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các khách hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam có nhu cầu tư vấn huy động vốn, bán vốn hoặc phát hành thêm, khối Tư vấn sẽ tích cực kết nối và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, khối Tư vấn sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp và tư vấn M&A, nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng và nhà đầu tư. Dựa trên tình hình thực tế và khả năng hiện tại, PHS đặt kế hoạch tập trung phát triển khối Tư vấn cụ thể theo các hướng sau:

- Cập nhật và đào tạo nhân viên về các xu hướng mới trong các lĩnh vực niêm yết, phát hành chứng khoán, và huy động vốn. Đảm bảo đội ngũ tư vấn viên có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng giải quyết vấn đề cho khách hàng.
- Rà soát và cải tiến quy trình tư vấn để đảm bảo tính hiệu quả và sự minh bạch trong các hợp đồng dịch vụ, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng và PHS.
- Tăng cường kết nối với các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, và các quỹ đầu tư quốc tế để mở rộng mạng lưới nhà đầu tư cho các dự án huy động vốn tại Việt Nam.
- Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện giao lưu, hội thảo với các đối tác trong nước và quốc tế để xây dựng mối quan hệ bền vững và tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư.
- Duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ cũng như khách hàng hiện tại và mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Thông qua những hành động cụ thể trên, khối Tư vấn sẽ có thể đạt được mục tiêu duy trì và phát triển trong năm 2025, cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ, và mở rộng mạng lưới khách hàng và nhà đầu tư.



### 3. Tự doanh

Cùng với xu hướng hồi phục của thị trường, khối Tự doanh tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu hàng đầu của các ngành dẫn dắt và các cổ phiếu có câu chuyện riêng với triển vọng kinh doanh tích cực. Hơn nữa, chúng tôi cũng đa dạng hóa danh mục để nâng cao hiệu suất đầu tư cũng như quản trị rủi ro danh mục. Đến cuối tháng 12/2024, danh mục đầu tư đạt được mức lợi nhuận khoảng 13.8%.

Thị trường chứng khoán vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng trong năm tới. Ngoài ra, Việt Nam đang tích cực hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi vào năm 2025. Thông tư 68 chấm dứt yêu cầu về việc có đủ tiền 100% trước khi đặt lệnh đối với tổ chức nước ngoài đã đánh dấu một cột mốc quan trọng. Điều này thể hiện quyết tâm của Việt Nam về việc nâng hạng thị trường. Morgan Stanley ước tính rằng các quỹ quốc tế có khả năng đầu tư tới 9 tỷ đô la Mỹ vào thị trường Việt Nam một khi thị trường này được nâng hạng. Vì vậy, chúng tôi cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam đầy hứa hẹn và có tiềm năng tăng trưởng trong năm 2025.

Để nắm bắt cơ hội tăng điểm của thị trường vào năm tới, khối Tự doanh đang điều chỉnh và phân bổ lại danh mục đầu tư. Chúng tôi luôn tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa danh mục và nâng cao hiệu quả đầu tư. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như có được hiệu suất đầu tư tốt hơn trong năm 2025.

Nhìn chung, khối Tự doanh sẽ theo sát diễn biến thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích, cùng với việc tiến hành phân tích cơ bản và kỹ thuật chuyên sâu, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp hơn với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, trong khi vẫn kiểm soát rủi ro một cách hợp lý.

### 4. Chứng quyền

Từ năm 2023 đến 2024, thị trường chứng quyền có bảo đảm (gọi tắt là chứng quyền) tại Việt Nam đã chứng kiến những thay đổi đáng kể. Số lượng chứng quyền niêm yết giảm mạnh từ 229 xuống còn 77 (giảm 66,4% so với cùng kỳ) và số lượng tổ chức phát hành hoạt động cũng giảm từ 10 xuống còn 4. Tuy nhiên, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày lại tăng từ 28,6 tỷ đồng lên 43,3 tỷ đồng (tăng 51,5% so với cùng kỳ), cho thấy nhu cầu từ nhà đầu tư đối với sản phẩm chứng quyền vẫn rất mạnh mẽ.

Tình hình này đặt ra cả thách thức lẫn cơ hội. PHS tin rằng thị trường chứng quyền vẫn sở hữu tiềm năng phát triển dài hạn và những khó khăn hiện tại sẽ được giải quyết theo thời gian. PHS sẽ tiếp tục cung cấp sản phẩm chứng quyền nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong dài hạn. Để đạt được mục tiêu này, PHS sẽ tập trung mở rộng danh mục sản phẩm, nâng cao thanh khoản và xây dựng niềm tin vững chắc từ phía nhà đầu tư. Đồng thời, PHS sẽ đẩy mạnh các chương trình cung cấp kiến thức thị trường và triển khai các chiến lược marketing có trọng tâm để tăng cường sự kết nối với nhà đầu tư. Bằng việc nắm bắt xu hướng thị trường và đáp



ứng kịp thời nhu cầu thay đổi của nhà đầu tư, PHS hướng tới mục tiêu thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường chứng quyền trong tương lai.

Trong năm 2024, PHS đã phát triển thành công hệ thống giao dịch tiên tiến dành cho hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro chứng quyền, đồng thời đã chính thức đưa hệ thống vào vận hành trên thị trường. PHS dự kiến mở rộng hoạt động phát hành chứng quyền vào năm 2025. Với hệ thống giao dịch hiện đại này, PHS có thể nâng cao hiệu quả hoạt động tự doanh, bằng việc tăng độ chính xác và hiệu quả đầu tư, cũng như áp dụng nhiều chiến lược giao dịch đa dạng trên thị trường.

Dựa trên nền tảng kỹ thuật vững chắc đã được xây dựng trong năm 2024, PHS sẽ mở rộng hệ thống giao dịch để phù hợp với các chiến lược giao dịch mới. Ngoài ra, PHS sẽ mở rộng hoạt động giao dịch sang các thị trường sản phẩm khác như ETF và các thị trường phái sinh nhằm đa dạng hóa rủi ro trong hoạt động tự doanh và giao dịch chứng quyền. Mục tiêu của PHS trong những năm tới là xây dựng hoạt động kinh doanh giao dịch đa dạng với rủi ro được đo lường và kiểm soát hiệu quả.

## **5. Marketing**

Trong năm 2025, các hoạt động marketing của PHS sẽ tiếp tục đồng hành cùng định hướng chiến lược tổng thể của công ty, tập trung vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ, sản phẩm và thúc đẩy các hoạt động đổi mới nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Phát triển dựa trên các nền tảng có được trong năm 2024, các hoạt động marketing năm 2025 sẽ được triển khai bài bản, tập trung vào các trọng tâm chính:

- Quảng bá thương hiệu: tăng cường nhận diện thương hiệu qua các chiến dịch sáng tạo và đa kênh, đa nền tảng, khẳng định vị thế của PHS là một trong những công ty chứng khoán có vốn nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam.
- Chương trình khuyến mãi: bên cạnh chất lượng dịch vụ là yếu tố cốt lõi, các hoạt động khuyến mãi, chương trình tri ân khách hàng là những hoạt động hỗ trợ khách hàng tất yếu trên con đường đầu tư của mình. Do đó, việc đẩy mạnh các ưu đãi hấp dẫn trong năm 2025 sẽ nhằm thu hút và giữ chân người dùng mới, góp phần mở rộng tệp khách hàng tiềm năng.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hành vi người dùng trực tuyến: áp dụng các công cụ đo lường trực tuyến, cũng như xây dựng hệ thống theo dõi kết quả các chiến dịch mở tài khoản trực tuyến là ưu tiên hàng đầu của khối Marketing trong năm 2025. Điều này sẽ giúp PHS có được cái nhìn tổng quát về đối tượng khách hàng tiềm năng, phân tích dữ liệu, từ đó cá nhân hóa các dịch vụ và chiến dịch tiếp thị, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng.

Dự kiến, năm 2025 sẽ là một năm bùng nổ với nhiều cơ hội lớn trên thị trường. Do đó, đội ngũ Marketing sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng các chương trình và kế hoạch hành động để tận dụng tối đa lợi thế này, góp phần đưa PHS tiếp tục vươn xa.

## **6. Quản lý rủi ro**

Thị trường chứng khoán năm 2024 có tích cực hơn khi các chỉ số có mức tăng. Tuy nhiên, do có nhiều ảnh hưởng bởi các biến động về vĩ mô trong nước và ngoài nước



nên mức tăng trưởng cũng chưa ổn định, đặc biệt làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư vẫn còn đang rất cần trọng. PHS đã áp dụng các chiến lược quản lý rủi ro linh hoạt theo từng thời kỳ như: điều chỉnh các tỷ lệ xử lý; phát triển các sản phẩm phù hợp nhằm hỗ trợ kinh doanh cũng như phòng ngừa rủi ro trong giai đoạn thị trường nhiều biến động. Đồng thời kiểm soát giá vay, tỷ lệ vay phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường. Thay đổi chiến lược quản lý rủi ro trong đó cơ cấu dư nợ tập trung chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín.

Bên cạnh đó, Công tác quản lý rủi ro đã đạt hiệu quả cao thể hiện qua dịch vụ giao dịch ký quỹ. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong những năm qua. Ngoài ra, sự phối hợp chặt chẽ giữa khối Quản lý rủi ro và khối Phân tích đã nâng cao chất lượng phân tích, đánh giá các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin và triển khai các mô hình định giá cổ phiếu cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Tháng 11/2024, việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài không cần ký quỹ trước giao dịch đang mở ra cơ hội phát triển dịch vụ mới cho công ty chứng khoán. Với kế hoạch vận hành KRX vẫn đang được kỳ vọng sớm đi vào thực tiễn, hệ thống này được cho là sẽ mang đến các sản phẩm, giải pháp giao dịch và thanh toán mới. Đồng thời là tiền đề cho việc tiến tới nâng hạng thị trường chứng khoán hứa hẹn sẽ thu hút các nhà đầu tư và tăng cường thanh khoản. Dựa vào tình hình thị trường trong năm 2024 và sản phẩm “Non-Prefunding” cho nhà đầu tư tổ chức là nước ngoài, khối Quản lý rủi ro đã và đang tiếp tục xây dựng và bổ sung những chính sách quản lý rủi ro phù hợp với thị trường chung năm 2025.

Đồng thời tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ cũng như đánh giá mức độ uy tín khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro cho PHS và khách hàng cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của toàn PHS.

PHS đã triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh được hơn bốn năm, số lượng khách hàng đã ngày càng tăng lên và vẫn còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong năm 2025. Sản phẩm phái sinh ngày càng được mở rộng nên việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh ngày càng được chủ động và cải tiến để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

2 -  
IG  
PH  
3 KI  
HL  
H'



Bên cạnh đó trong năm 2025, mục tiêu giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn và hiệu quả, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2025 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.

## **7. Công nghệ Thông tin**

Trong năm 2024, PHS đã nâng cao trải nghiệm giao dịch của khách hàng thông qua công nghệ hiện đại và nền tảng giao dịch được tối ưu hóa. Tăng cường bảo mật và độ tin cậy của hệ thống để đảm bảo giao dịch an toàn và hiệu quả. Chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng để tích hợp hoàn chỉnh với hệ thống giao dịch KRX.

Công ty đã phát triển ứng dụng di động mới, PHS Elite, hợp nhất giao dịch cổ phiếu và phái sinh trên cùng một nền tảng ứng dụng. Tập trung ứng dụng công nghệ hiện đại để mang lại trải nghiệm người dùng mượt mà và trực quan.

Công ty đã hợp tác với Viettel Cybersecurity để thực hiện rà soát toàn diện các lỗ hổng bảo mật của hệ thống giao dịch. Triển khai các biện pháp bảo mật đã được khuyến nghị và nâng cao khả năng giám sát hệ thống. Đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho nhân viên công ty.

Công ty phát triển hệ thống báo cáo quản trị thông minh (BI), cung cấp giao diện trực quan với biểu đồ, đồ thị, tăng cường khả năng phân tích dữ liệu và ra quyết định cho các phòng ban. Kết nối dữ liệu từ hệ thống giao dịch, và các nền tảng khác để tạo ra báo cáo toàn diện, phản ánh toàn bộ hoạt động của công ty.

Công ty đã cải tiến hạ tầng công nghệ thông tin với việc nâng cấp máy chủ và thiết bị mạng tốc độ cao nhằm giảm thiểu độ trễ. Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra toàn diện theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để đảm bảo sẵn sàng tích hợp hệ thống mượt mà với nền tảng KRX.

Năm 2025, PHS sẽ Đẩy mạnh đầu tư công nghệ nhằm cải thiện các công cụ giao dịch tự động và tối ưu hóa nền tảng giao dịch trực tuyến. Nâng cao hiệu quả hoạt động giao dịch và dịch vụ thông qua ứng dụng công nghệ hiện đại. Đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế.

PHS sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ giao dịch tự động như chứng quyền và ETF.

Công ty tiếp tục hiện đại hóa hệ thống giao dịch trực tuyến (Web-Trading) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cải tiến giao diện và trải nghiệm người



dùng trên nền tảng giao dịch trực tuyến. Tiếp tục cải tiến ứng dụng di động, tích hợp các công cụ phân tích chuyên sâu và biểu đồ nâng cao vào ứng dụng.

Ngoài ra, công ty xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn ISO 27001 để tăng cường quản lý an toàn thông tin. Đảm bảo hệ thống luôn sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX khi đi vào vận hành.

## 8. Quản lý Nhân sự

Thị trường lao động, việc làm trong quý 3/2024 tiếp tục khởi sắc với lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước.

Khi công nghệ ngày càng được ứng dụng rộng trong môi trường làm việc, việc đánh giá lại khả năng khai thác công nghệ để nâng cao năng suất lao động trở nên cần thiết. Sự phát triển vượt bậc của công nghệ, với những đột phá được thúc đẩy bởi AI, đang tái định hình cấu trúc và cách thức làm việc. Các công việc yêu cầu ít kỹ năng đang dần bị tự động hóa thay thế, trong khi các kỹ năng liên quan đến công nghệ, công cụ kỹ thuật số và phân tích dữ liệu ngày càng trở nên quan trọng. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi vai trò của khối Nhân sự, vượt ra khỏi những khuôn khổ truyền thống để điều chỉnh các ưu tiên, nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới.

Trong năm 2025, phòng Đào tạo sẽ tập trung vào các mục tiêu trọng tâm sau:

- Phát triển kỹ năng công nghệ: trang bị cho nhân viên không chuyên về công nghệ các kỹ năng ứng dụng công nghệ và ngôn ngữ lập trình cơ bản;
- Chương trình phát triển nghề nghiệp: nâng cao năng lực nhân viên thông qua các chương trình và lộ trình phát triển cá nhân, áp dụng mô hình 70/20/10;
- Đánh giá năng lực: hệ thống hóa và chuẩn hóa các phương pháp đánh giá năng lực nhân viên, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả;
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo: thiết lập quy chuẩn về các kỹ năng cần thiết trước, trong và sau đào tạo, đảm bảo chất lượng và tác động tích cực đến hiệu suất công việc;
- Phát triển khả năng lãnh đạo: triển khai các chương trình đào tạo dành riêng cho Giám đốc và Quản lý cấp trung, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đội nhóm và tư duy chiến lược.

Khối Nhân sự sẽ tích hợp thông điệp ESG vào các hoạt động gắn kết nội bộ, bao gồm hội thảo, văn nghệ và các chương trình khác trong năm, nhằm nâng cao nhận thức của tập thể về vai trò của từng cá nhân trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững trong tương lai.

Phòng Tuyển dụng tiếp tục chuẩn hóa quy trình tuyển dụng và đánh giá ứng viên, đảm bảo quy trình sàng lọc đạt hiệu quả tối ưu. Đồng thời, phòng sẽ tập trung vào việc chuẩn hóa quy trình đào tạo hội nhập và xây dựng lộ trình đào tạo dành cho nhân viên mới, giúp các thành viên nhanh chóng hòa nhập và bắt kịp tiến độ công việc sau khi gia nhập công ty. Bên cạnh đó, các chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu công ty sẽ được duy trì, đổi mới sáng tạo, đồng thời cập nhật xu hướng





mới để mở rộng phạm vi tiếp cận các ứng viên tiềm năng, nâng cao hình ảnh của PHS trên thị trường lao động.

Phòng Tiền lương & Phúc lợi sẽ triển khai các khảo sát nhằm tìm hiểu trải nghiệm của nhân viên, từ đó xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Hệ thống cấp bậc công việc sẽ được chuẩn hóa để làm nền tảng cho việc thiết lập cấu trúc lương, thưởng và phúc lợi, vừa đảm bảo tính công bằng nội bộ vừa cạnh tranh với thị trường. Hệ thống khen thưởng và đãi ngộ tổng thể cũng sẽ được xây dựng nhằm khích lệ thành tích, tạo động lực làm việc và duy trì sự gắn bó của nhân viên, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc hài hòa để giữ chân người tài.

Ngoài ra, khối Nhân sự sẽ tập trung tinh chỉnh hệ thống đánh giá hiệu suất nhằm đảm bảo quy trình đánh giá diễn ra hiệu quả, nhất quán và công bằng.

Việc tuân thủ và thực thi các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế cùng các trách nhiệm khác luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động.

## 9. Tóm tắt Dự toán ngân sách năm 2025

Chỉ tiêu	Dự toán ngân sách năm 2025 (VNĐ)
Tổng Doanh thu	743.494.616.053
Tổng Chi phí	613.226.470.006
Lãi (lỗ) trước thuế	130.268.146.047
Lãi (lỗ) sau thuế	103.608.778.575
Thị phần	1,23%

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

  
Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Dự toán ngân sách tài chính năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua **Dự toán ngân sách tài chính năm 2025** như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
Tổng doanh thu	743.494.616.053
Tổng chi phí	613.226.470.006
Lợi nhuận kế toán trước thuế	130.268.146.047
Lợi nhuận kế toán sau thuế	103.608.778.575
Thù lao Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	1.920.000.000

Trong năm 2024 thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt đã chi 5.544.794.767 đồng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.  
Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**ALBERT KWANG-CHIN TING**



**TỜ TRÌNH**

**V/v: Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc **chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025** như sau:

**1. Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM  
Điện thoại: 028 3821 9266  
Fax: 028 3821 9267

Trường hợp Công ty TNHH KPMG Việt Nam không thể cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, thì đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 được thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

**2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan với Công ty Kiểm toán độc lập được chọn.**

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**LIEW SEP SIANG**



**TỜ TRÌNH**  
**GIỚI THIỆU CÁC ỨNG VIÊN ĐƯỢC ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông về Việc Giới thiệu danh sách các ứng viên được đề cử tham gia Thành viên Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông ALBERT KWANG-CHIN TING	Thành viên
2	Ông NGUYỄN ĐOAN HÙNG	Thành viên
3	Ông WU, JIN-JENG	Thành viên
4	Ông CHEN CHIA KEN	Thành viên
5	Bà LIN, HSIU-CHU	Thành viên độc lập

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**Đính kèm:**

- Sơ yếu lý lịch của các ứng viên

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN**  
**PHÚ HƯNG**  
**QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH**  
**ALBERT KWANG-CHIN TING**

**TỜ TRÌNH**  
**GIỚI THIỆU CÁC ỨNG VIÊN ĐƯỢC ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  
**(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông về Việc Giới thiệu danh sách các ứng viên được đề cử tham gia Thành viên Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông LIEW SEP SIANG	Thành viên
2	Bà WANG, GWAN-FANG	Thành viên
3	Ông CHIU, HSIEN-CHIH	Thành viên

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**Đính kèm:**

- Sơ yếu lý lịch của các ứng viên

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**ALBERT KWANG-CHIN TING**

**TỜ TRÌNH**

**Phê chuẩn Báo cáo của Hội đồng Quản trị về việc  
Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc  
(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

**1. Tên Thành viên bổ nhiệm:**

**Ông CHEN CHIA KEN**

Số hộ chiếu:

360370553

Ngày cấp:

14 tháng 02 năm 2022

Nơi cấp:

Đài Loan

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ALBERT KWANG-CHIN TING**



**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**Đính kèm:**

Quy trình Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**  
  
**LIEW SEP SIANG**

Số: 01/2025/QĐ-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy trình số 01/2025/QTr-BKS ngày 17/04/2025

### BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành quy trình số 01/2025/QTr-BKS ngày 17/04/2025 về Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/04/2025.

**Điều 3:** Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các khối/phòng ban và tất cả nhân viên công ty có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

#### Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Lưu tại TK BKS.



	<b>QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT</b>	Mã số: 01/2025/QTr-BKS
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 17/4/2025
<b>Người phụ trách:</b> Chiêu Nhã Thy  <b>Người hỗ trợ/thay thế:</b> .....	Duyệt bởi: <b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>  <b>Lieu Sep Siang</b> Ngày duyệt: 17/4/2025	

### THEO DÕI SỬA ĐỔI QUY TRÌNH

Ngày	Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Người biên soạn
17/4/2025		Quy trình mới	

### PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

1. Tổng Giám Đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	4. Tất cả các Khối Phòng ban	<input checked="" type="checkbox"/>
2. Phó Tổng Giám Đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	5. Tất cả các Chi nhánh, Phòng giao dịch	<input checked="" type="checkbox"/>
3. Khối Kiểm soát nội bộ	<input checked="" type="checkbox"/>		



#### I. Mục đích

Quy trình được ban hành để quy định các bước cụ thể trong quá trình hoạt động kiểm tra, rà soát, thẩm định theo yêu cầu gửi đến Ban Kiểm soát, nhằm đảm các bảo hoạt động này được diễn ra một cách nhất quán, đầy đủ và tuân thủ quy định pháp luật.

#### II. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với Kiểm soát viên và các các thành viên Đoàn kiểm tra do Ban kiểm soát thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.



### **III. Tài liệu tham khảo**

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

### **IV. Giải thích từ ngữ**

1. *PHS/Công ty* là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
2. *HĐQT* là Hội đồng Quản trị Công ty.
3. *BTGD* là Ban Giám đốc Công ty.
4. *TGD* là Tổng Giám đốc Công ty.
5. *BKS* là Ban Kiểm soát.
6. *ĐKT* là Đoàn kiểm tra.
7. *UBCKNN* là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
8. *SGDCK* là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
9. *VSDC* là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

### **V. Nội dung**

1. **Sơ đồ quy trình**

Trách nhiệm	Bước	Trình tự công việc	Thời gian	Điểm kiểm soát
Đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát	1	Yêu cầu kiểm tra, rà soát, thẩm định		Văn bản yêu cầu, Hồ sơ chứng minh sở hữu hợp lệ, Thông báo của BKS
BKS	2	Xem xét yêu cầu	T	Văn bản trả lời yêu cầu kiểm tra, kiểm soát (đối với bên ngoài)
BKS	3	Thành lập ĐKT	7 ngày	Quyết định thành lập ĐKT
ĐKT	4	Lập kế hoạch kiểm tra	3 ngày	Đề cương kiểm tra
ĐKT	5	Tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra	T'	
Trưởng ĐKT	6	Báo cáo kết quả kiểm tra	3 ngày	Biên bản kiểm tra Báo cáo kết quả kiểm tra
Trưởng BKS	7	Phản hồi kết quả sau kiểm tra	15 ngày	Thông báo kết quả kiểm tra

T: là thời gian kết luận đồng ý/từ chối kiểm tra

T': là thời gian tiến hành kiểm tra

## **2. Diễn giải quy trình**

### **Bước 1: Yêu cầu kiểm tra, rà soát, thẩm định:**

- Đơn vị có yêu cầu kiểm tra, kiểm soát lập và gửi đề nghị đến Ban Kiểm soát.
- Các đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát:
  - Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - Cơ quan quản lý Nhà nước như: UBCKNN, SGDCK, VSDC, Cơ quan đăng ký kinh doanh, Cơ quan Thuế, v.v...;
  - Thành viên BKS.

### **Bước 2: Xem xét yêu cầu:**

- Ban Kiểm soát căn cứ vào Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và kế hoạch hoạt động hằng năm, bất thường của BKS xem xét yêu cầu kiểm tra tại ngày T.
- BKS thẩm định yêu cầu kiểm tra có phù hợp và đúng đối tượng được quyền yêu cầu kiểm tra và ra kết luận. Trường hợp kết luận đồng ý kiểm tra thì chuyển qua bước tiếp theo. Trường hợp không đồng ý kiểm tra, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do với đơn vị gửi yêu cầu.

### **Bước 3: Thành lập Đoàn kiểm tra**

- Sau khi BKS có kết luận đồng ý kiểm tra, trong vòng 05 ngày làm việc, BKS quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Quyết định phải nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, yêu cầu kiểm tra, căn cứ và được gửi đến HĐQT, TGD trong vòng 02 ngày làm việc sau khi ban hành.
- Đoàn kiểm tra là cơ quan phụ trách việc tiến hành kiểm tra, lập Biên bản kiểm tra và có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra lên BKS.

### **Bước 4: Lập kế hoạch kiểm tra**

- Đoàn kiểm tra căn cứ vào Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS để lập kế hoạch kiểm tra trình Trưởng BKS phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra phải nêu rõ nội dung kiểm tra, phạm vi, thời hạn kiểm tra.
- Trong vòng 03 ngày làm việc, Trưởng BKS có trách nhiệm xem xét, đánh giá kế hoạch kiểm tra dựa trên yêu cầu kiểm tra, ra quyết định phê duyệt và thông báo đến HĐQT, TGD công ty. Trường hợp kế hoạch kiểm tra không phù hợp



với yêu cầu kiểm tra, Trưởng BKS thông báo đến Đoàn kiểm tra và yêu cầu điều chỉnh.

- Đoàn kiểm tra phải lập kế hoạch kiểm tra phù hợp với yêu cầu của Cơ quan Nhà nước trong trường hợp kiểm tra theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước.

#### **Bước 5: Tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra**

- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục quy định tại kế hoạch kiểm tra đã được Trưởng BKS phê duyệt.
- Trong quá trình kiểm tra, tùy vào tình hình thực tế, kế hoạch kiểm tra có thể được thay đổi sau khi được Trưởng BKS phê duyệt và thông báo đến HĐQT, TGD Công ty.

- Các nội dung kiểm tra:

##### **a. Chuẩn bị kiểm tra:**

- Thu thập các tài liệu cần thiết liên quan đến hoạt động của đơn vị cần kiểm tra;
- Chọn mẫu các tài liệu, hồ sơ, chứng từ cần kiểm tra;
- Gửi yêu cầu cung cấp tài liệu, hồ sơ, chứng từ đến đơn vị cần kiểm tra.

##### **b. Thực hiện kiểm tra:**

Đoàn kiểm tra tiến hành rà soát các hồ sơ, đối chiếu các tài liệu, hồ sơ được cung cấp và đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quy định, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.

##### **c. Tiêu chí kiểm tra:**

- Các vấn đề, tài liệu, hồ sơ kiểm tra phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quy định, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra phát hiện bất kỳ vấn đề nào xác định là sai phạm, hoặc nghi ngờ sai phạm đều phải ghi nhận vào Biên bản kiểm tra.
- Đoàn kiểm tra sẽ đánh giá các sai phạm, rủi ro tiềm ẩn (nếu có) và đưa ra yêu cầu khắc phục.

TY  
I  
HC  
UN  
HỒ

**d. Lập Biên bản kiểm tra:**

- Sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra sẽ lập Biên bản kiểm tra. Trong đó, nêu rõ toàn bộ nội dung làm việc, các vấn đề, tài liệu kiểm tra và kết quả, kết luận kiểm tra. Phải tổ chức họp với đơn vị được kiểm tra để công bố Biên bản, kết quả kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra có quyền giải trình và yêu cầu ghi nhận ý kiến giải trình vào Biên bản kiểm tra hoặc đính kèm theo Biên bản kiểm tra trong trường hợp không đồng ý với kết luận của Đoàn kiểm tra.
- Trường hợp Đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra thống nhất ý kiến về kết quả, kết luận kiểm tra, các bên ký Biên bản kiểm tra.
- Biên bản kiểm tra phải có đầy đủ chữ ký của thành viên Đoàn kiểm tra và đại diện đơn vị kiểm tra. Trường hợp bất kỳ thành viên nào của Đoàn kiểm tra, đại diện Đơn vị được kiểm tra từ chối ký Biên bản thì phải nêu rõ lý do từ chối vào Biên bản và Đoàn kiểm tra, các thành viên còn lại vẫn ký Biên bản theo thủ tục thông thường.
- Biên bản kiểm tra phải được trình lên Trưởng Ban kiểm soát cùng với Báo cáo kết quả kiểm tra và được lưu giữ tại Ban Kiểm soát.

**Bước 6: Báo cáo kết quả kiểm tra:**

- Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi lập Biên bản kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra căn cứ vào Biên bản kiểm tra lập Báo cáo kết quả kiểm tra trình Trưởng Ban kiểm soát.
- Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung sau:
  - Các thông tin giới thiệu tình hình của đơn vị;
  - Các tồn tại, sai phạm (nếu có) phát hiện được sau kiểm tra;
  - Xác định nguyên nhân;
  - Đề xuất các phương án xử lý, khắc phục (nếu có).

**Bước 7: Phản hồi kết quả sau kiểm tra:**

- Sau khi nhận được Báo cáo kết quả kiểm tra, trong vòng 15 ngày làm việc, Trưởng Ban Kiểm soát gửi Thông báo về nội dung, kết quả kiểm tra đến đối tượng yêu cầu kiểm tra, HĐQT, TGD công ty.

- Đối với các yêu cầu kiểm tra từ Cơ quan Nhà nước, Ban Kiểm soát báo cáo theo thời hạn yêu cầu.

### 3. Lưu trữ hồ sơ

- Báo cáo, Biên bản kiểm tra và các hồ sơ, tài liệu trong quá trình kiểm tra được lưu giữ tại Ban Kiểm soát.
- Đơn vị được kiểm tra lưu 01 bản gốc Biên bản kiểm tra để theo dõi và khắc phục.
- Thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.

## VI. Điều khoản thi hành

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy trình trước đây có liên quan. Mọi sự sửa đổi, bổ sung nội dung sẽ được thực hiện tùy theo nhu cầu thực tế và theo sự phát triển của Công ty hoặc tùy thuộc vào những thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan.

Các phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ và phổ biến hướng dẫn các đơn vị thực hiện và thông báo đến toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty được biết và nghiêm túc thực hiện.

## VII. Hồ sơ lưu

STT	Tên hồ sơ	Đơn vị lưu
1		
2		

## VIII. Danh mục Phụ lục, Biểu mẫu liên quan

STT	Tài liệu	Mã số
1		
2		